

**Đại Phương Quảng Phật
Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một,
Tịnh Hạnh Phẩm
Phần 28
大方廣佛華嚴經
(十一) 淨行品**

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội
Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang và Minh Tiến

Tập 1517

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ ba, xem từ bài kệ tụng cuối cùng. Đoạn thứ ba là Tụ Tọa Thiền Quán (就坐禪觀). Bài kệ cuối cùng là...

(Kinh) Xả già phu tọa, đương nguyện chúng sanh, quán chư hành pháp, tất quy tán diệt.

(經)捨跏趺坐。當願眾生。觀諸行法。悉歸散滅。

(Kinh: Thôi ngồi xếp bằng, nguyện cho chúng sanh, quán các hành pháp, đều là tan diệt).

Trong bảy bài kệ tụng này, chúng ta thấy bốn bài kệ đầu nói về phương tiện tu hành, đều thuộc về giới luật. Hai bài thứ năm và thứ sáu là chánh tu, bài thứ năm nói về Hạnh Môn, tức Thiền Định; bài thứ sáu nói về Giải Môn, là trí huệ. Từ chỗ này, chư vị có thể thấu hiểu: Bảy bài tụng này đã nêu ra toàn bộ sự tu học trong Phật pháp, tức là Tam Học Giới Định Huệ. Phương tiện là Giới, “*tu hành ư Định*” (tu hành Định) là Thiền Định, “*nhược tu ư Quán*” (nếu tu Quán) là trí huệ, Tam Học Giới Định Huệ! Đây là tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh. Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật là như thế, mà quá khứ, vị lai hết thảy chư Phật tu hành, chứng quả, giáo hóa chúng sanh, đều chẳng lìa khỏi nguyên tắc này!

Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Phật pháp bảo đây là Tánh Đức, “*pháp nhĩ như thị*”, “*pháp nhĩ*” (法爾) là tự nhiên như vậy, nó là như vậy đó, nó vốn là như thế đó! Chẳng có bất cứ lý do nào để có thể nói được. Nếu quý vị suy nghĩ [kiếm] một lý do cho nó, sẽ rơi vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chỉ cần rơi vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chân tướng sẽ ảm lấp. Nói cách khác, quý vị chẳng thấy chân tướng sự thật. Điều này cũng có chỉ rõ “vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật phải xuất hiện trên thế gian?” Có lý do hay không? Thừa cùng chư vị, chẳng

có lý do! Pháp Tánh vốn là như vậy! Đây mới là nói viên mãn, nói rốt ráo. Nếu quý vị nêu lý do, đưa ra lý do, sẽ có nhiều lý do lắm, đâm ra sẽ khiến cho vấn đề phức tạp. Vốn hết sức đơn giản, vì sao lại khiến cho nó phức tạp dường ấy? Kê thông minh quá nhiều, mỗi người đều muốn nghĩ ra một phương thức để giải thích!

Hôm nay, học đến bài kệ cuối cùng này, nếu chúng ta có thể thật sự thấu hiểu, sẽ hoảng nhiên đại ngộ! “*Xả tọa*” chính là buổi học đã xong, duỗi chân ra, rời khỏi giảng đường, [vì] buổi học đã kết thúc. “*Đương nguyện chúng sanh, quán chư hành pháp, tất quy tán diệt*” (Nguyện cho chúng sanh, quán các hành pháp, đều trở về chỗ tan diệt). Đây chẳng phải là như kinh Bát Nhã đã nói ư? “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Do vậy, quý vị suy tưởng như thế nào, nghiên cứu như thế nào, cũng đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng phải là sự thật! Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng*”. Triệt để buông xuống, Tam Học Giới Định Huệ trọn đủ viên mãn. Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Tam Học Giới Định Huệ vốn sẵn có trong tự tánh, chỉ cần buông xuống muôn duyên, Tánh Đức tự nhiên hiện tiền. Do vậy, chẳng cần tu Tánh Đức, chư vị nhất định phải hiểu điều này! Đức Phật dạy chúng ta tu, đây là chuyện bất đắc dĩ, [bởi lẽ] chúng ta chẳng kiên tánh. Chẳng kiên tánh, quý vị phải nên tu thiện, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, hy vọng cuộc sống trong lục đạo sẽ tốt đẹp hơn đôi chút. Chuyện là như thế đó!

Giới Định Huệ đã thành tựu, nhất là Huệ, đã đạt tới một mức độ nhất định, sẽ minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Khi ấy, trí huệ Bát Nhã, vạn đức vạn năng, vô tận tướng hảo vốn sẵn có trong Tánh Đức thấy đều hiện tiền. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy đức Thế Tôn đã giảng rõ về y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Hoa Tạng. Trong kinh Vãng Sanh, kinh Vãng Sanh tức là kinh luận của Tịnh Độ Tông, gồm năm kinh một luận, quý vị thấy đã miêu tả y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đó là tự tánh vốn tự nhiên hiển hiện viên mãn như thế đó, chẳng do con người tạo tác. Hễ khởi tâm động niệm thì sai mất rồi! Do khởi tâm động niệm, Tánh Đức bị vẩn vơ, nầy sanh biến hóa. Tánh Đức thuần tịnh thuần thiện, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước!

Các thí nghiệm của những khoa học gia, như tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản [chẳng hạn], có rốt ráo hay không? Chẳng rốt ráo! Vì sao chẳng rốt ráo? Những thí nghiệm của họ chẳng vượt thoát mười pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, hiện tướng (現相, các tướng được biến hiện) thù thắng khôn sánh, họ (các nhà khoa học) vĩnh viễn chẳng thấy. Vì sao chẳng thấy? Những người làm thí nghiệm đều có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đối với Pháp Tánh và Pháp Tướng, quý vị chẳng thấy Pháp Tánh, những gì quý vị trông thấy chính là Pháp Tướng. Thể của Pháp Tướng là Pháp Tánh. Quý vị thấy: Do một ý niệm thiện của chúng ta, kết tinh của nước hết sức tốt đẹp, dễ nhìn. Do ý niệm ác, nó hiện tướng cũng rất xấu xí. Nó thuận theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị mà biến; đây là “*duy thức sở biến*”. Trong khi chúng ta chẳng có [ý niệm] thiện hay

ác, nó sẽ hiện tướng gì? Dường như là nó cũng hiện tướng, nhưng chẳng có gì là đặc biệt tốt hay đặc biệt xấu. Đây là cảnh giới gì vậy? Vô minh! Không thoát khỏi mười pháp giới, sẽ chẳng phải là trí huệ chân thật! Trí huệ chân thật lia vọng tướng, phân biệt, chấp trước. Chẳng lia vọng tướng, phân biệt, chấp trước, trong Pháp Tướng chẳng hiện ra cảnh giới [chân thật] ấy! Nếu người thí nghiệm thật sự có thể lia vọng tướng, phân biệt, chấp trước, phá một phẩm vô minh, thấy một phần Pháp Thân, sẽ có thể thấy hình tướng của thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng ở ngay trong một giọt nước ấy! Chư vị đồng tu hãy nghĩ xem, có phải là đạo lý như vậy hay chẳng? Đó gọi là Thật Tướng của các pháp, là chân tướng sự thật. Biết chân tướng sự thật, quý vị sẽ chẳng khởi tâm động niệm. Phân biệt, chấp trước càng chẳng cần phải nói nữa. Khởi tâm động niệm đã chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm. Vận dụng vào mười pháp giới có chướng ngại hay không? Chẳng có chướng ngại! Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát và chúng ta ở cùng một chỗ, chúng ta ba người cũng thế, mà bốn người cũng thế, mỗi người một cảnh giới! Quý vị nói xem, có hai người nào mà cảnh giới giống nhau hay không? Chẳng có! Chắc chắn là tìm không ra! Đến khi nào cảnh giới của hai người sẽ giống nhau? Khi đã đạt đến “*dĩ Định phục tâm, cứu cánh vô dư*” (dùng Định chế ngự cái tâm, rốt ráo chẳng thừa sót), chỉ có nơi quả địa rốt ráo [cảnh giới mới] là giống nhau. Đẳng Giác Bồ Tát thì khá gần giống, nhưng vẫn là bất đồng, vì sao? Chẳng phá một phẩm vô minh cuối cùng. Phẩm vô minh ấy chính là tập khí vô thi vô minh. Trong phần trước, tôi đã nói rất nhiều, chẳng đoạn tập khí! Lục đạo phàm phu chẳng có cách nào lý giải cảnh giới ấy; vì thế, đức Phật bảo là “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Đức Phật nói câu này rất từ bi, quý vị có mong biết cảnh giới của Phật hay không? Nếu quý vị muốn biết cảnh giới của Phật, đức Phật dạy quý vị làm như thế nào thì mới có thể thấy? Quý vị đừng dùng tư tưởng, đừng dùng ngôn ngữ, quý vị sẽ biết. Hễ quý vị còn dùng tư tưởng, còn dùng ngôn ngữ, sẽ chẳng làm được, chắc chắn là quý vị chẳng đạt được! Đức Phật nói câu này minh bạch, nhưng người nghe thì sao? Người nghe hiểu lầm ý nghĩa: “Chẳng thể nghĩ bàn là không có cách nào suy nghĩ, chẳng có cách nào nói được”. Chúng ta hiểu lầm ý nghĩa theo kiểu đó, hiểu trật ý nghĩa mất rồi! Đức Phật bảo “*như thật*”, chính là [nói đến] Thật Tướng của các pháp. Làm sao mới thấy được? “*Chẳng thể nghĩ*” là chẳng thể khởi tâm động niệm; “*chẳng thể bàn*” là chớ nên phân biệt, chấp trước, chân tướng đã sáng tỏ! Nguyên lai là ở chỗ này. Đó gọi là “*điều gì cũng là đạo, đâu đâu cũng hiểu thấu nguồn cội*”. Tùy tiện lấy một pháp, không pháp nào chẳng phải là chân tướng!

Đây là nói về “*quán chư hành pháp*”, “*hành pháp*” là mười pháp giới. “*Tất giai tán diệt*” (thầy đều tan diệt), đó là cảnh giới gì? Lại quay về Nhất Chân pháp giới. Nếu quý vị đối với hết thầy các hành pháp trong mười pháp giới mà có phân biệt, có chấp trước, chẳng chịu buông xuống, y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới sẽ chẳng tan, chẳng diệt! Tuy chẳng tan diệt, sẽ là như thế nào? Vô thường! Quý vị thấy hữu tình chúng sanh, nay chúng ta nói là

“động vật” có sanh, lão, bệnh, tử; vô tình chúng sanh, nay nói là thực vật và khoáng vật, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật có thành, trụ, hoại, không. Đó là gì? Chính là vô thường. Trong ấy có ý nghĩa rất sâu, phải chú tâm lãnh hội. Lãnh hội một phần, sẽ có một phần thọ dụng, thọ dụng chân thật. Lãnh hội hai phần, sẽ được hai phần thọ dụng. Sự thọ dụng ấy là thật, chẳng giả!

Trong Phật pháp nói là “*pháp hỷ sung mãn*”, Không phu tử nói “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (học rồi thường xuyên tu tập, cũng chẳng vui sao?) Xưa kia, người đọc sách tại Trung Hoa thường nói “*Khổng Nhan chi lạc*”, [nghĩa là] trong cuộc sống, Khổng Tử và Nhan Hôi có niềm vui sướng, mọi người rất tán thán, rất hâm mộ. Thế nhưng quý vị chẳng phải là Nhan Hôi, chẳng phải là Khổng Tử, sẽ chẳng thể thấu hiểu cảnh giới ấy! Học theo Nhan Hôi, học theo Khổng Tử, tại Trung Hoa, vào thời cổ, Mạnh Tử học giống nhất. Vì thế, Nho gia cũng dùng câu “*Khổng Mạnh chi đạo*” để thay thế cho câu ấy (câu “*Khổng Nhan chi lạc*”), có nghĩa là Mạnh Tử đã nhập cảnh giới của Khổng, Nhan. Trong Phật môn, có những vị tổ sư đại đức đã thật sự đạt được Giới Định Huệ, cũng có thể đạt tới [cảnh giới] “*phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”, Thiên Tông nói là “*minh tâm kiến tánh*”, Giáo Hạ nói là “*đại khai viên giải*”, Tịnh Độ nói là “*Lý nhất tâm bất loạn*”. Tuy danh từ khác nhau, nhưng cảnh giới như nhau, đều là lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng là khởi tâm động niệm; lục căn đối trước cảnh giới sáu trần chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Thật sự nhập cảnh giới này, họ đạt được niềm vui của chư Phật Như Lai. Niềm vui ấy vượt xa niềm vui của Khổng Tử và Nhan Hôi quá nhiều!

Chúng ta có thể nói “*Khổng Nhan chi lạc*” là thiên đạo, [là niềm vui của] thánh nhân thế gian. Niềm vui của chư Phật Như Lai đã đạt tới rốt ráo. Nếu quý vị hỏi vì sao chúng tôi nói khẳng định như vậy ư? Chẳng có gì khác! Quý vị suy tưởng từ lý luận, [sẽ thấy] tất nhiên là như thế. Đoạn sạch tập khí vô thỉ vô minh, triệt để hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vạn vật trong vũ trụ, chúng sanh có cảm, sẽ tự nhiên có ứng. Giống như một chén nước, tôi dấy lên một ý niệm, người khác dấy lên một ý niệm, một chén nước đặt ở đây, nước phản ứng đối với [ý niệm của] tôi và phản ứng đối với [ý niệm của] quý vị, phản ứng đối với [ý niệm của] người khác sẽ chẳng giống nhau! Cùng một nơi chốn, cùng một thời gian, do tâm ba người cảm khác nhau, cảnh giới phản ứng của nước sẽ chẳng giống nhau. Đây là chuyện như thế nào?

Tôi kể thêm một chuyện cho quý vị nghe nhé! Dường như là vào năm 1982, lão pháp sư Thánh Nhất¹ khi đó còn trẻ. Sư đại khái mới ngoài bốn mươi. Chuyện

¹ Pháp sư Thánh Nhất (1922-2010), tự là Huyền Cơ, họ ngoài đời là Trần, người xứ Hòa Lý, Tân Hội (tỉnh Quảng Đông). Năm mười sáu tuổi, do thấy Sư thông tuệ, phước tướng trang nghiêm, một người chuông quỹ trong tiệm bán gạo của thân phụ Sư đã tặng Sư bộ Phật Giáo Tùng Thư do cư sĩ Vương Nhất Đình biên soạn. Đọc xong, Sư sáng tối niệm Phật, chỉ ăn rau bên cạnh thịt. Hễ trông thấy kẻ ăn mày đến tiệm xin, Sư đều dạy họ niệm A Di Đà Phật, còn xúc gạo cho họ. Về sau, bị cha quở trách, Sư liền hốt gạo rơi vãi dưới đất, rửa sạch, phơi khô để thí cho người đến xin. Ngay cả khi phải gảy bàn tính để tính toán sổ sách, Sư cũng niệm

xảy ra từ hơn ba mươi năm trước. Sư kể với tôi, khi đó, Trung Quốc còn chưa hoàn toàn mở cửa, Sư và mấy vị đồng tham đạo hữu đến Triều Âm Động ở Phổ Đà sơn để bái yết Quán Âm Bồ Tát. Nghe nói sự cảm ứng ở chỗ ấy rất rõ rệt, tới đó lễ bái, có thể thấy Quán Âm Bồ Tát hiện thân. Ba vị xuất gia, còn có một quan chức địa phương ở nơi đó đi theo họ, lạy ở cửa động nửa tiếng. Quán Âm Bồ Tát xuất hiện, ba người đều rất hoan hỷ, cùng thời gian, cùng địa điểm. Sau khi đã lạy nửa giờ, viên chức ấy thúc giục họ: “Thời gian quá lâu rồi, hãy nên rời đi!” Sau khi rời đi, họ hỏi nhau: “Thầy thấy Quán Âm Bồ Tát có hình dạng như thế nào?” Pháp sư Thánh Nhất thấy Quán Âm Bồ Tát đội mào Tỳ Lô, thân kim sắc. Mào Tỳ Lô là cái mào giống như mào Địa Tạng Bồ Tát đội, kim sắc. Một vị pháp sư khác thấy Ngài là Bạch Y Quán Âm, tức là giống như tượng tạc hoặc tượng vẽ Bạch Y Quán Âm mà chúng ta thường thấy. Mọi người rất quen thuộc hình tượng này. Còn có một vị pháp sư nữa thấy Ngài có hình tướng tỳ-kheo, là người xuất gia, có hình tướng tỳ-kheo xuất gia!

Ba người cùng lúc, cùng một chỗ, đều trông thấy [Bồ Tát], nhưng [hình tướng] chẳng giống nhau! Do nguyên nhân nào? Đều là “*có cảm bèn có ứng*”, chúng sanh có cảm, Bồ Tát có ứng. Tâm thái cảm của quý vị khác nhau, sẽ ứng hiện tướng khác nhau! Trạng huống hoàn toàn giống như kết tinh trong thí nghiệm với nước như tôi đã nói! Cùng thời, cùng chỗ, một vạn người khởi tâm động niệm đối với chén nước, sẽ có một vạn thứ kết tinh khác nhau, quyết chẳng thể có hai kết tinh giống nhau! Tiên sĩ Giang Bồn Thăng kể với tôi điều này. Ông ta làm thí nghiệm mười năm, thí nghiệm mấy chục vạn lần, ông ta bảo “chưa từng phát hiện hai kết tinh hoàn toàn giống nhau”. Cùng một người, nhưng thời gian khác nhau, kết tinh cũng chẳng giống nhau. Vì sao? Cùng một người, nhưng ý niệm do khởi tâm động niệm khác nhau! Dẫn là thiện niệm, mức độ thiện khác nhau. Vì thế, đối với những kết tinh đẹp đẽ, quý vị quan sát cận kề, [sẽ thấy là] đại đồng tiêu dị, không hoàn toàn giống nhau! Đây là vọng tâm trong mỗi niệm khác nhau, [có thể là] tương tự, chứ không giống hệt như nhau. Đến khi nào thì mới giống nhau? Như Lai quả địa, đoạn sạch tập khí vô thi vô minh, khi ấy, sẽ giống nhau, sự hiển hiện (vì thế gọi là Nhất Chân) chẳng có biến hóa! Bất luận vào lúc nào, bất luận ở chỗ nào, đều thấy hoàn toàn như nhau, nên gọi là Nhất Chân.

Phật không ngớt. Khi Sư tròn mười chín tuổi, gặp cảnh tao loạn thời Trung Nhật Chiến Tranh, tiệm gạo phải đóng cửa, được phụ mẫu cho phép, Sư bèn xuất gia. Nhưng khi ấy đang thời loạn, không đạo tràng thân nạp, phải tìm kiếm khắp nơi. Cuối cùng đành phải nương nấu một đạo sĩ. Đạo sĩ chỉ chấp thuận cho niệm chú Đại Bi để kiếm tiền độ nhật. Có lần, đạo sĩ sai đi cắt cỏ, Sư chú tâm niệm chú, chợt nghe trong đồng cỏ tiếng niệm chú vang vang. Tìm khắp nơi không thấy ai, chợt ngộ âm thanh niệm chú do chính tâm mình hiển hiện. Vừa ngộ, âm thanh ấy bỗng dứt bật. Về sau, Sư được một vị ni giới thiệu đến y chỉ Chí Liên Tịnh Uyên nghe giảng kinh. Về sau, do nghe ngài Hư Vân truyền giới tại chùa Nam Hoa ở Thiều Quan. Tìm đến nơi, ngài Hư Vân đã sang Trùng Khánh. Sư bèn xin nhập chúng già gạo và lo trai soạn, đến năm sau mới được thọ Cụ Túc Giới. Khi ấy, Sư đã hai mươi hai tuổi. Sư y chỉ hòa thượng Phục Nhân, mãi cho đến khi ba mươi sáu tuổi, gặp ngài Hư Vân ở núi Vân Cư, được phó pháp, trở thành pháp tự đời thứ chín của tông Quy Ngưỡng.

Đây là trạng huống đại khái trong Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới, tôi cũng tận hết năng lực của chính mình để diễn tả nó. Do vậy, chúng ta có thể biết, từ xưa đến nay, có bao nhiêu người đã lay Quán Âm Bồ Tát ở cửa động Triều Âm? Quá ư là nhiều. Những tướng do Quán Âm Bồ Tát thị hiện tuyệt đối sẽ chẳng thể là hai người thấy giống nhau được! Cùng là một người, như pháp sư Thánh Nhất [chẳng hạn], một ngày sau hoặc hai ngày sau, lại đến động Triều Âm lay nửa tiếng, sẽ thấy Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng giống như vậy hay chẳng? Khác nhau! Nơi chốn như nhau, nhưng thời gian khác nhau! Cho thấy điều gì? Cho thấy mười pháp giới (mười pháp giới đều gọi là “*thế pháp*”) vô thường. Nếu quý vị hỏi vì sao vô thường ư? Ý niệm của quý vị vô thường! Ý niệm vi tế, bọn phàm phu chúng ta chẳng cảm nhận được, đâu là ý niệm của chính mình! [Phàm phu] chẳng cảm nhận được ý niệm của chính mình, làm sao quý vị có thể cảm nhận ý niệm của người khác cho được? Niệm trước, niệm sau, mỗi niệm chẳng tương đồng, mỗi niệm khác nhau. Bất luận là thiện niệm hay ác niệm đều khác nhau, vô ký (chẳng thiện, chẳng ác) cũng chẳng giống nhau!

Nếu quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật này, mới biết trong đời người, cái đáng quý nhất, thù thắng nhất, quan trọng nhất chính là gì? Là câu Định Huệ! Đây là tự tánh, Nho gia gọi là “*bốn thiện*”, còn trong Thiên Tông thì gọi là “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (diện mạo vốn sẵn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Quý vị có thể tìm được cái này, sẽ chẳng sống uổng phí đời này. Đời đời kiếp kiếp đều mê mất chính mình, nay tìm lại được chính mình, [mới biết] chúng sanh và chư Phật Như Lai chẳng khác nhau, là một, không hai, nhập pháp môn Bất Nhị. Ta và chư Phật chẳng hai, ta và chúng sanh chẳng hai, ta và vũ trụ chẳng hai, nhập pháp môn Bất Nhị! Đây gọi là minh tâm kiến tánh, là thế giới Hoa Tạng, hay thế giới Cực Lạc.

Do vậy, bài kệ cuối cùng này [nói về chuyện] đã rời khỏi chỗ ngồi. Bài kệ này mang ý nghĩa triệt để buông xuống. Thân, tâm, thế giới trọn chẳng thể được, [nếu] quý vị chẳng buông xuống được, sai mất rồi! “*Buông xuống*” chẳng phải là “*không cần*”. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói về buông xuống: Đối với hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật, hãy buông xuống chấp trước, đừng chấp trước. Hãy buông xuống phân biệt. Hãy buông xuống khởi tâm động niệm. Trong kinh, đức Phật đã nói hết sức rõ rệt: Buông xuống chấp trước, quý vị là A La Hán, chẳng có lục đạo. Tuy người ấy còn ở trong lục đạo, nhưng chẳng có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả của lục đạo, chẳng có tiếng tăm, lợi dưỡng, cát, hung, họa, phước, tham, sân, si, mạn, đã buông xuống! Lục đạo là gì? Nguyên lai, lục đạo là Thanh Văn pháp giới! Quý vị thấy cảnh giới chuyển theo tâm, chuyển theo ý niệm. Quý vị trụ trong Thanh Văn pháp giới, ở cùng một chỗ với đại chúng, họ trụ trong nhân pháp giới, còn quý vị trụ trong Thanh Văn pháp giới. Thanh Văn pháp giới và nhân pháp giới chẳng hai. Nếu quý vị tiến thêm bước nữa, phân biệt cũng buông xuống, sẽ trụ trong Bồ Tát pháp giới. Bồ Tát pháp giới và nhân đạo pháp giới cũng chẳng hai. Thiên Thai đại sư nói “*bách giới thiên như*” là do đạo lý này!

Nếu ngay cả khởi tâm động niệm quý vị cũng đoạn trừ, quý vị sẽ trụ trong Nhất Chân pháp giới, trụ trong thế giới Hoa Tạng. Người niệm Phật trụ trong thế giới Cực Lạc. Hoa Tạng, Cực Lạc và thế giới này của chúng ta chẳng hai! Chẳng hai mà hai, hai mà chẳng hai. Vì sao có hai? Dụng tâm khác nhau. Trong phẩm kinh này, vừa mở đầu, Văn Thù Bồ Tát đã dạy chúng ta: “*Thiện dụng kỳ tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức*” (Khéo dùng cái tâm, sẽ đạt được hết thắng công đức thù thắng, nhiệm màu). Trong bảy bài kệ tụng này, sáu bài trước nói về Thắng, bài kệ cuối cùng nói về Diệu. Diệu (妙) là không chấp tướng, Diệu là buông xuống. Chẳng phải là buông xuống nơi Sự! Về Sự thì chẳng sai khác với chúng sanh, còn làm càng viên mãn, càng kiệt xuất, càng thù thắng hơn chúng sanh, nhưng chẳng chấp tướng. Chúng sanh dẫu làm thù thắng đến mấy đi nữa, chẳng diệu. Vì sao? Chấp tướng! Đối với “*ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*” như kinh Kim Cang đã nói, họ chẳng xả trừ, chẳng biết những thứ ấy là hư vọng.

Tư tưởng của Lão Tử trong Đạo gia hết sức gần với Phật. Vừa mở đầu [bộ Đạo Đức Kinh], Lão Tử đã bảo: “*Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh*”, nêu bày ý nghĩa này. [Hai câu ấy có nghĩa là] đạo mà có thể tư duy, có thể tưởng tượng, có thể bàn luận, sẽ chẳng phải là đạo! Đạo là gì? Đạo là tự tánh, đạo là tâm thanh tịnh, trong chân tâm vốn chẳng có một vật! Vốn chẳng có khởi tâm, chẳng có động niệm, làm sao quý vị có thể suy tưởng nó cho được? Hễ suy tưởng, sẽ rớt vào phân biệt. Hễ quý vị nói, sẽ rớt vào chấp trước. Vì thế, đó chẳng phải là thường đạo. “*Thường*” (常) là vĩnh hằng bất biến, đấy là Thường. Mỗi cá nhân có cách nhìn khác nhau, mỗi cá nhân có cách nói khác nhau. Vì thế, trong thế gian này, có khá nhiều học giả, chuyên gia phát biểu khá nhiều ngôn luận, ai nấy có cách nhìn riêng, ai nấy có cách nghĩ riêng, đều có cả một đồng đạo lý [để biện hộ cho quan điểm của riêng mình]. Lão Tử đã phê bình, thâm định là “*phi thường đạo*” (chẳng phải là cái đạo vĩnh hằng bất biến), lời phê bình, nhận định chung của Ngài là “chẳng phải là đạo thường hằng”. Mọi người đều có thể chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, “*thường đạo*” sẽ hiện tiền.

Chuyện này khó khăn, khó ở chỗ nào? Quý vị có muốn tưởng cũng chẳng thể tưởng nổi! Tưởng chính là Tư (思), bất khả tư nghị! Chẳng thể tưởng, chẳng thể nói. Diệu: Đúng là diệu ở chỗ này! Chẳng thể nghĩ ngợi, chẳng thể nói! Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thuyết pháp bốn mươi chín năm, điều này cũng là diệu. Vì sao diệu? Nói bốn mươi chín năm, Ngài thật sự chẳng khởi tâm động niệm, diệu ở chỗ này! Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng khởi tâm động niệm, còn phân biệt, chấp trước thì sao? Thuận theo sự phân biệt của chúng sanh mà phân biệt, thuận theo sự chấp trước của chúng sanh mà chấp trước. Đấy chính là “*Lý và Sự chẳng hai, Tự và Tha chẳng hai*”. Nhìn từ Tướng thì là hai, nhìn từ Tánh thì chẳng hai. Nhìn từ Sự thì là hai, nhìn từ Lý thì chẳng hai. Quán Huệ mới có thể giải quyết những vấn đề phức tạp chẳng có cùng tận trong xã hội hiện thời!

Xã hội này nơi nơi chồn chồn đầy áp đối lập, nghi ngờ, lo âu, mâu thuẫn, xung đột, đã đạt tới mức độ nghiêm trọng đáng sợ, chẳng có ai không bận tâm! Thậm chí còn có những chuyên gia, học giả nêu nghi vấn: “Nhân loại trên địa cầu có thể sống bình an đến hết thế kỷ này, tức thế kỷ hai mươi mốt hay không?” Cũng có nghĩa là [cho đến] năm 2100, có thể vượt qua một trăm năm ấy hay không? Sợ là bị hủy diệt! Lời lẽ này chẳng phải do những kẻ bình phàm nói ra. Chúng tôi nghe xong, có rất nhiều cảm xúc. Có thể cứu vãn thế giới này hay chẳng? Nếu chư vị khế nhập Đại Thừa, thâm nhập Hoa Nghiêm, tôi tin là quý vị sẽ hết sức lạc quan! Có cứu được hay chẳng? Được chứ! Lý luận và phương pháp trong giáo pháp Đại Thừa viên mãn khôn sánh, có năng lực ứng biến, có năng lực giúp đỡ các chúng sanh khổ nạn “*quay đầu là bờ*”. Nhưng một thứ tốt đẹp dường ấy thế mà chẳng có ai nhận biết, xác thực là hữu hiệu mà chẳng có ai dùng đến, chẳng có ai muốn dùng nó, vậy là chẳng có cách nào cả! Nhưng kẻ nào giác ngộ, hiểu rõ, kẻ ấy sẽ được cứu, nói theo tôn giáo, sẽ là “*được cứu vớt*”, còn nhà Phật nói là “*đắc độ*”.

Thế giới này có thành, trụ, hoại, không, người đắc độ có thể di dân sang một thế giới khác. Thế giới vô lượng vô biên, quý vị đến thế giới nào? Nhà Phật thường nói đến “*duyên phận*”. Duyên phận giống nhau, sẽ cảm ứng đạo giao. Người có lòng yêu thương, có lòng từ bi, sẽ luôn tụ hội cùng những người có lòng yêu thương, có tâm từ bi, họ sẽ tụ hội với nhau. Đó gọi là “*vật dĩ loại tụ, nhân dĩ quần phân*” (vật tụ tập theo từng loài, con người chia thành từng nhóm). Những kẻ chí đồng đạo hợp tự nhiên sẽ tụ tập với nhau, cảm ứng mà! Nay chúng ta đã hiểu, những gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu cho chúng ta quyết định là thiện. Phật, Bồ Tát, nói theo cách hiện thời, là những bậc đã trở về tự tánh. Tự tánh là thuần tịnh, thuần thiện, những đường lối và phương hướng do các Ngài giới thiệu cho chúng ta chắc chắn là chánh xác. Chúng ta phải có tín tâm, nghiêm túc nỗ lực tu học theo giáo huấn của các Ngài, nhất định sẽ có thể đạt tới mục tiêu. Quý vị mong làm Phật, sẽ nhập cảnh giới của Phật, ở cùng một chỗ với chư Phật. Quý vị mong làm Bồ Tát, sẽ nhập cảnh giới của Bồ Tát, ở chung với các vị Bồ Tát. Xác thực là như Phật pháp đã nói, “*tâm tương sự thành*”.

Đối với vũ trụ và nhân sinh, chúng ta có cách nhìn, cách nghĩ khác nhau, thừa cùng chư vị, trong tương lai có thể ở chung với nhau hay chẳng? Chẳng thế nào! Vợ chồng đầu đằm thắm đến mấy, trong đời quá khứ có duyên phận, duyên phận có thời tiết, nhân duyên. Các vị ở chung với nhau, hoặc là mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm, chung quy phải chia tay. Sau khi chia tay, đời sau có thể tụ hội với nhau lần nữa hay chẳng? Chưa chắc! Vì sao? Hai người có cách nghĩ, cách nhìn chẳng hoàn toàn tương đồng, làm sao có thể sanh vào cùng một pháp giới cho được? Nhất là trong xã hội hiện đại, sẽ càng khó hơn; xã hội xưa kia còn dễ hơn đôi chút, chúng ta còn có thể tin tưởng. Vì sao? Từ bé đều đã được tiếp nhận giáo dục luân lý, đạo đức. Chồng biết suốt đời chung thủy với vợ, vợ biết suốt đời chung thủy với chồng. [Như vậy thì] đời sau còn có thể có duyên phận, chúng ta tin tưởng điều này! Nay thì chẳng có! Thời cổ, sự kiện

ly hôn quá ít, rất hiếm nghe nói, được [sách vở] ghi lại rất ít. Nay thì ly hôn là chuyện như cơm bữa, quá đỗi bình thường!

Đây là kết cấu gia đình có vấn đề. Gia đình là tổ chức cơ sở của xã hội, giống như tế bào trong thân thể con người, nó là tổ chức cơ bản. Tổ chức cơ bản bị phá hoại, nếu tế bào trên thân thể một người hư hoại quá nhiều, lẽ nào người ấy chẳng sanh bệnh? Do vậy có thể biết, muốn thật sự nói đến chuyện xã hội hài hòa, thế giới hài hòa, ngoại trừ dùng Nho và Phật (tức là nền giáo dục truyền thống về luân lý đạo đức, còn phải kể thêm giáo dục nhân quả), sẽ rất khó thực hiện! Ai nấy đều hiểu Đại Thừa, biết “*vạn pháp đều là Không, vô sở hữu, chẳng thể được*”, người sống trên cõi đời hãy nên làm chuyện “bỏ mình vì người”, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chẳng trái nghịch Tánh Đức. Đây là chánh xác, đây mới là thật sự có ý nghĩa, có giá trị, không ngừng nâng cao linh tánh của chính mình. Quyết định chẳng thể làm chuyện tổn người lợi mình. Ý niệm tổn người lợi mình sẽ khiến cho chính mình bị đọa lạc. Kết quả của đọa lạc là ở trong ba ác đạo. Đây là sự thật! Nếu quý vị thừa nhận như thế, nếu quý vị đã chứng biết như thế, tín tâm của quý vị sẽ kiên định. Nay đã hết thời gian rồi. Chúng tôi giảng đoạn này tới đây!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp đoạn thứ tư.

(Sớ) Tương hành phi quải thời lục nguyện.

(疏)將行披挂時六願。

(Sớ: Sáu nguyện trong lúc chỉnh đốn y phục khi sắp đi ra ngoài).

Chúng ta nhìn vào tiêu đề này, cũng cảm thấy chẳng quen thuộc cho lắm. Nếu thay đổi cách nói, mọi người sẽ hiểu rất rõ ràng, người Hoa nói là “*xuyên trước y thường*” (穿著衣裳, mặc áo xống) [“*phi quải thời*”] là lúc mặc quần áo. Vì sao ở đây nói là “*phi quải*” (披挂, choàng, quần)? Chư vị phải biết: Kinh điển từ tiếng Phạn của Ấn Độ dịch ra. Cho đến hiện thời, quý vị sang Ấn Độ, sẽ có thể thấy quần áo của người Ấn chẳng giống như chúng ta. Họ quần một tấm vải trên thân [làm áo]. Phía dưới gọi là Thường (裳), tức “*y thường*” (衣裳, xiêm y, váy xống). Nay chúng ta gọi Thường là cái váy, tức là loại váy quần quanh (xà-rông). Xà-rông thì phải dùng đai lưng buộc vào thân, nên gọi là Quải (挂). Y thì khoác trên thân; vì thế gọi là “*phi quải*” (披挂, choàng, quần). Hoàn toàn chẳng giống Trung Hoa. Y phục của Trung Hoa phức tạp hơn họ. [Áo] phải may cắt sao cho có cổ áo, vạt áo, tay áo. Vì thế, phải “*xuyên trước*” (穿著, mặc), còn họ (người Ấn Độ) gọi là “*phi quải*”.

Tấm áo ca-sa của người xuất gia trong hiện thời, tấm áo này được gọi là Ca-sa (Kāśāya). Quý vị thấy tấm y này là một miếng vải, nhưng thu nhỏ lại, đại khái chỉ to bằng một phần ba tấm y của Ấn Độ. Y của Ấn Độ rất lớn bao bọc toàn thân, quần quanh khắp thân. Khi làm việc, họ để lộ tay phải ra, “*thiên đản hữu*

kiên” (偏袒右肩, để hở vai phải) hông làm lưng cho tiện. Nay chúng ta cũng [đắp y] để lộ vai phải. Vì thế, vai bên này thì vắt [hai mép y] chồng lên, để lộ tay phải ra; nhưng trong hiện thời, [để giữ cho hai mép tấm y chẳng tuột khỏi vai], chúng ta dùng cái vòng móc. Cái vòng móc rất lâu về sau mới có. Tại Trung Hoa, vào thời Đường, vẫn chưa dùng vòng móc [để mặc y]; khi đó, chỉ dùng dây buộc. Dùng dây để buộc [hai mép y] cho khỏi tuột. Hiện thời, ở Nhật Bản có thể thấy, ở Đại Hàn cũng có thể thấy [cách đắp y bằng cách buộc dây]. Chỉ có Trung Hoa dùng vòng móc², đương nhiên là đỡ mát công hơn dùng dây buộc. Thế nhưng, hiện thời y ca-sa của Nhật Bản càng ngày càng đơn giản hơn. Y ca-sa hiện thời là một bức vải rất bé, rất ư là bé, vẫn có hình dáng giống như vậy, nhưng rút nhỏ³.

² Thật ra, tùy theo tông phái mà y ca-sa sử dụng vòng móc hay không. Tông Chogye (Tào Khê) ở Đại Hàn đắp y cũng dùng vòng móc. Ca-sa của Việt Nam phần lớn sử dụng vòng móc. Ngay tại Nhật, tông Tào Động (Soto) thường dùng y không có móc, dây buộc rất phức tạp, khi mặc đòi hỏi phải xếp y khéo léo, nhưng tông Lâm Tế (Rinzai) đắp y gần giống như Trung Hoa, có vòng móc. Có những chi phái tuy vẫn có vòng, nhưng không dùng móc, mà dùng cách buộc dây rất phức tạp. Có những tông phái như Tịnh Độ Chân Tông hoặc Chân Ngôn Tông, y thường may bằng vải gấm hay lụa rực rỡ, nhưng kích thước chỉ nhỏ bằng một phần ba y của Trung Hoa, chỉ có dây đeo chéo lên vai, tấm y che một phần lưng và bụng, hoàn toàn không che vai. Họ mặc hậu (áo hải thanh) cũng có màu sắc rực rỡ, không tiếp màu với tấm y.

³ Đúng ra, chỉ có Thiên Tông Nhật Bản dùng loại y này. Họ gọi nó là Rakusu (絡子, lạc tử). Rakusu có hình dáng một tấm ca-sa thu nhỏ, may giống như một cái túi, có quai để đeo quanh cổ. Một bức Rakusu thường có mười sáu miếng vải khâu lại thành một tấm, có viền mép. Mặt sau để trơn, thường ghi pháp danh của người thọ giới và tông phái, đôi khi thêu những biểu tượng của tông phái. Thông thường, Rakusu có màu đen dành cho tăng sĩ, và màu nâu dành cho những vị giảng sư (có thể không phải là người xuất gia). Tuy vậy, nhiều khi Rakusu thường làm bằng vải lụa hay gấm rực rỡ, thêu thùa rất phức tạp. Quai đeo bên phải của Rakusu có vòng móc. Theo truyền thuyết, Rakusu được truyền sang từ Trung Hoa khi Phật giáo bị vua Trung Hoa bức hại, tăng sĩ phải chế ra loại y như vậy để đeo giấu vào bên trong áo. Các tăng sĩ Nhật Bản đã đem loại này về Nhật Bản. Rakusu chủ yếu dùng khi tăng sĩ đi hóa duyên, hoặc giảng kinh. Họ vẫn mặc áo tràng, đeo Rakusu ra ngoài, nhưng khi cử hành những lễ quan trọng, hoặc tại tự viện, thường là đắp ca-sa thật sự. Hòa thượng nói đến những vị mặc Âu phục chỉ đeo Rakusu khi làm lễ chính là những người đã thọ giới tỳ-kheo, nhưng vẫn sống đời tại gia, nhất là những vị thuộc các tông Nhật Liên, Chân Ngôn Tông, Tịnh Độ Chân Tông... Trong truyền thống Nhật Bản, dường như ranh giới giữa tăng sĩ và người tại gia bị xóa nhòa. Đa số tăng sĩ có vợ, con, có tài sản riêng, tuy vẫn mặc y phục tu hành, cạo đầu. Riêng Tịnh Độ Chân Tông còn có loại Rakusu không có vòng móc, gọi là Tế Oai Nghi (Igiboso). Có những tông phái như Nhật Liên Tông chẳng hạn, tăng sĩ không cạo đầu, ăn mặc chải chuốt như người tại gia, chỉ khi làm lễ mới đắp y. Còn khi thuyết pháp họ chỉ đeo Rakusu. Trong rất nhiều tự viện Chân Ngôn Tông và Nhật Liên Tông, nhiều khi các vị trưởng lão lại có hình thức tại gia, mặc âu phục, khoác y hậu ra ngoài, ngồi trên pháp tòa chủ pháp, trong khi những vị có hình tướng xuất gia lại ngồi thấp hơn, hoặc làm thị giả cho những vị “trưởng lão tại gia”. Ngoài ra, còn có một loại gọi “ca-sa” nữa dưới hình thức một dải vải đẹp mảnh, hai đầu có kết tua để cột lại, đeo lên cổ, thả trước ngực, dành cho những người thọ Tam Quy, Ngũ Giới, chia thành:

1. Chiết Ngũ Điều (Origojyo) dài đến gần thắt lưng. Chiết Ngũ Điều để trơn hoặc thêu danh hiệu một vị Phật hoặc đề mục kinh Pháp Hoa như trong tông Thiên Thai. Đạo tràng Pháp Hoa và một số đạo tràng Tịnh Độ tại Việt Nam dùng loại này. Tại Nhật Bản, tăng sĩ thường đeo Chiết Ngũ Điều khi không đắp y.

Thông thường, họ mặc đồ Tây, bỏ trong túi áo của Âu phục. Nếu có pháp hội, bèn lấy ra (giống như xâu chuỗi của chúng ta vậy) đeo lên cổ. Đó là một thứ mang tính chất tượng trưng, càng ngày càng đơn giản. Những sự biến hóa này, chúng ta đều phải biết. Đoạn này có tất cả sáu bài kệ nói về chuyện mặc áo. Xin xem bài thứ nhất.

(Kinh) Hạ túc trụ thời, đương nguyện chúng sanh, tâm đắc giải thoát, an trụ bất động.

(經)下足住時。當願眾生。心得解脫。安住不動。

(Kinh: Lúc đặt chân đứng, nguyện cho chúng sanh, tâm được giải thoát, an trụ bất động).

Phải xem [bài kệ này] tiếp nối ý nghĩa của kinh văn trong đoạn trước. Quý vị thấy phần trước là “*xả già phu tọa*” (thôi ngồi xếp bằng). “*Già phu*” (跏趺) là ngồi xếp bằng, “*xả già phu tọa*” là duỗi chân ra. Duỗi chân ra, bàn chân còn chưa chạm đất, còn chưa đứng lên, vẫn ngồi tại đó, chỉ duỗi chân ra. Bài kệ này tương ứng với khi đã đứng lên, “*hạ túc trụ thời*” (khi đặt chân xuống, đứng lên). “*Trụ*” (住) là đứng, [“*hạ túc trụ thời*” là] khi đã đứng lên. Khi làm xong một buổi công khóa, trong phần trước, tôi đã thừa cùng chư vị, trong công khóa có Giải Môn và Hạnh Môn. Xếp Hạnh Môn ra trước vì coi trọng Hạnh Môn.

Đạo tràng thờ phụng hình tượng Phật, Bồ Tát, phải hiểu ý nghĩa này. Vì sao nhất định phải thờ một vị Phật, hai vị Bồ Tát? Thông thường đều thờ phụng theo cách ấy, có ý nghĩa gì vậy? Biểu thị pháp. Phật biểu thị Lý, hoặc Tánh, Bồ Tát biểu thị Sự hay Hạnh. Lý là chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước; do vậy, Phật chẳng thuyết pháp. Bồ Tát biểu thị từ Thế khởi Dụng. Dụng có sự biểu thị, có thuyết pháp, đây là Dụng! Phật ứng hóa trong mười pháp giới, tức là [thị hiện] thân Bồ Tát; đây là “*có thuyết*”. Trong Dụng, lại chia thành hai môn, một là Hạnh Môn, hai là Giải Hạnh; vì thế, dùng hai vị Bồ Tát để đại diện. Trong Tịnh Độ Tông, Quán Âm Bồ Tát biểu thị Hạnh Môn, ở đây nói là Thiên Định, tức Hạnh Môn. Đại Thế Chí Bồ Tát biểu thị Giải Môn, giải hạnh tương ứng. Quý vị thấy Quán Âm Bồ Tát, nhìn từ phía chúng ta, đối diện với chúng ta, Ngài ở bên tay phải chúng ta, Đại Thế Chí Bồ Tát ở bên tay trái. Trung Hoa coi bên phải quan trọng hơn. Quý vị thấy viết câu đối, phía bên này là vế trên, phía bên kia là vế dưới. Nếu nói theo phương vị của A Di Đà Phật, bên tay trái của A Di Đà Phật là thượng, bên tay phải là hạ. Quán Âm Bồ Tát ở phía tay phải [của chúng ta, nghĩa là ở bên trái của A Di Đà Phật], tức là Hạnh Môn được xếp hàng đầu, Giải Môn được xếp vào thứ hai, chớ nên lầm lộn. Nếu vị trí của Quán Âm và Thế Chí đảo lộn, ý nghĩa biểu thị pháp đã bị điên đảo, ý nghĩa biểu thị pháp bị sai lầm. Điều này chỉ rõ Tịnh Tông trọng Hạnh, quyết định là Giải Hạnh tương ứng. Hoa Nghiêm Tam Thánh biểu thị pháp khác hẳn. Chính

2. Luân ca-sa (Wagesa) may thành một dải tròn.

3. Bán ca-sa (Hangesa) giống như chiết ngũ điều, nhưng chỉ có chiều dài bằng một nửa.

giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, thượng thủ là Văn Thù Bồ Tát, hạ thủ là Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát là xét theo [địa vị của chúng ta], giống như cách xếp đặt trong Tịnh Độ Tông, Ngài có cùng vị trí với Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát có cùng vị trí với Quán Thế Âm Bồ Tát. Tay trái của Tỳ Lô Giá Na Phật là Văn Thù, bên tay phải là Phổ Hiền; đây là Giáo Hạ. Giáo Hạ xếp Giải Môn làm thượng thủ, Hạnh Môn đặt ở hạ thủ. Quý vị thấy kinh này vừa khởi đầu đã nói về Giải. Quý vị thấy đối với Thập Tín Bồ Tát, cho đến phẩm này mới nói đến Hạnh Môn. Phẩm Quang Minh Giác trong phần trước nói về Giải. Nhìn từ sự biểu thị pháp, quý vị sẽ hiểu: Đặt điều gì làm bậc nhất. Giáo Hạ xếp Giải làm bậc nhất, vì đã giải rồi mới bắt đầu tu. Tông Môn là đặt Hạnh vào bậc nhất, sau khi đã ngộ, sẽ đẩy lên giải. Đây là do chúng sanh căn tánh khác nhau, phương pháp giáo học sẽ chẳng nhất trí. Tịnh Độ Tông cũng xếp Hạnh hàng đầu, Hạnh Giải tương ứng.

Trong Niệm Phật Đường vốn chẳng giảng kinh, thật sự là một câu Phật hiệu, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, sẽ quyết định vãng sanh. Vì sao nay trong Niệm Phật Đường chúng tôi phải đề xướng nghe kinh? Đạo lý ở chỗ nào? Căn tánh của người hiện thời chẳng bằng cổ nhân! Cổ nhân trung hậu, thật thà, khăng khăng một câu Phật hiệu, chẳng có vọng niệm, chẳng suy nghĩ tà vạy, thành tựu dễ dàng! Người hiện thời không được, căn tánh chẳng bằng cổ nhân, vọng tưởng nhiều, tạp niệm nhiều, tà tri tà kiến nhiều, hướng hồ còn có những dụ dỗ, mê hoặc trong xã hội. Tâm họ tán loạn; do vậy, phải đề xướng kinh giáo. Kinh giáo giúp quý vị hiểu rõ Lý. Đặc biệt là Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm giảng cặn kẽ. Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, thật sự thông hiểu thì mới có thể buông xuống, mới chẳng bị xã hội dụ dỗ, mê hoặc. Quý vị liễu giải càng sâu đậm thì mới có năng lực phân biệt chân, vọng, tà, chánh, thiện, ác, đúng, sai. Quý vị mới có thể phân biệt! Nếu không, nghe kẻ khác nói, [sẽ nghĩ] “có lý lắm!”, chạy theo tri kiến của kẻ khác, điều này đáng sợ quá! [Nghe kẻ khác nói, cảm thấy] có lý lắm, nhưng có thấu triệt hay không? Có viên dung hay không? Điều này rất quan trọng! Chẳng thấu triệt, chẳng viên dung, nếu làm theo thì thoạt đầu dường như hữu hiệu, sau một khoảng thời gian, sẽ bị biến chất, chẳng có cách nào duy trì ổn định trong một thời gian dài. Chuyện này trọng yếu lắm!

Từ xưa tới nay, có khá nhiều học giả, chuyên gia ngoại quốc rất bội phục xã hội Trung Hoa. Họ nói Trung Hoa trong quá khứ đã thực hiện chế độ rất thành công. Từ năm hai trăm lẻ mấy Công Nguyên, Hán Cao Tổ⁴ thống nhất Trung Hoa

⁴ Hán Cao Tổ tên thật là Lưu Bang (256 trước Công Nguyên -195 trước Công Nguyên), xuất thân là một nông dân, quê ở huyện Phong, tỉnh Giang Tô. Cổ sử Trung Hoa tô vẽ ông là người mũi cao, râu rồng, diện mạo khôi ngô, trên đầu có 72 nốt ruồi. Tính tình Lưu Bang phóng khoáng, thích rượu và gái, nhưng biết nhẫn nhục và khoan dung khi cần thiết. Ông từng phải đi phu xây dựng cung điện ở Hàm Dương, và khi trông thấy xa giá, nghi trượng của Tần Thủy Hoàng, đã cảm khái: “Đại trượng phu phải sống như thế”. Sau đó, ông được cử làm đình trưởng ở Tứ Thượng, kết thân với những người như Hạ Hầu Anh, Tiêu Hà, Tào Tham. Về sau, ông được cất nhắc làm huyện lệnh đất Bái, nên thường được gọi là Bái Công. Truyền thuyết nói trong chuyến suất lãnh dân phu đi xây dựng lăng mộ cho Tần Thủy Hoàng ở Ly Sơn, ông đã chém chết một con mãng xà. Sau đó, có một bà già khóc lóc bên vệ đường. Có người hỏi, bà lão đáp: “Con trai tôi là con của Bạch Đế, đã bị con của Xích Đế chém chết” rồi biến mất. Do

mãi cho đến hiện thời, hơn hai ngàn năm. Chế độ của quốc gia bị biến đổi chưa đầy một trăm năm; trong quá khứ, toàn là đế chế. Có thể duy trì lâu dài ngàn ấy, người ngoại quốc cũng thấy rất rõ ràng: Nói chung, xã hội Trung Hoa là một xã hội hòa bình, an định. Hai ngàn năm qua đã dựa vào gì vậy? Người ngoại quốc chẳng hiểu, tưởng là nhờ vào phương cách và sách lược cai trị của đế vương. Cách nhìn ấy lệch lạc, liễu giải Trung Hoa phiến diện, chẳng đủ thấu triệt! Cũng khó trách được! Vì sao? Nói theo cách phổ biến hiện thời, “trong não của họ chẳng có tế bào này”, làm sao họ có thể nghĩ ra được!

Trung Hoa ôn định, củng cố dài lâu, an định, hòa bình, dựa vào đâu? Dựa vào giáo dục luân lý đạo đức. Luân lý đạo đức rất gần gũi, tương ứng với tự tánh. Hễ trái nghịch tự tánh, chắc chắn sẽ sanh ra rối loạn, có phiền phức. Tương ứng với tự tánh, sẽ chẳng có [những chuyện ấy]. Người ngoại quốc cũng hiểu cốt lõi trong giáo huấn của cổ thánh tiên hiền và các tôn giáo là yêu thương. Họ cũng phát hiện, thấu hiểu điều này! Vun bồi cái tâm yêu thương như thế nào? Họ chẳng biết, chẳng nói “tâm yêu thương là thiên tánh, tâm yêu thương là bản tánh, chẳng phải là tập tánh”. Người ngoại quốc rất ít nói tới điều này, [tức là nói tới] bản tánh. Mã Minh Bô Tát bảo “*Bốn Giác vốn có*”, tâm yêu thương chính là “*Bốn Giác vốn có*”. Nói “*tánh loài người bất thiện*”, cái bất thiện chính là tập tánh, chẳng phải là bản tánh. Tôi cảm thấy cổ đại đế vương thống trị Trung Hoa chẳng phải bằng quyền thuật (權術, thuật cai trị, thuật cầm quyền), mà bằng tâm yêu thương, bằng đạo đức, bằng luân lý. Những thứ ấy đều là Tánh Đức, tương ứng với Tánh Đức thì mới có thể bình trị lâu dài. Trái nghịch Tánh Đức, dẫu có thể thu được hiệu quả nhất thời, lâu sau sẽ nảy sanh vấn đề!

Đây là khi buông chân xuống để đứng lên, “*hạ túc trụ thời*”, “*trụ*” là đứng lên. “*Đương nguyện chúng sanh, tâm đắc giải thoát, an trụ bất động*” (Nguyện cho chúng sanh, tâm được giải thoát, an trụ bất động). Phát nguyện như vậy. Từ nguyện này, có thể thấu hiểu, khởi tâm động niệm bèn [nghĩ đến] hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới. Tâm lượng ấy to cỡ nào! Vì thế, cô nhân nói, không chỉ nói “*chẳng đọc Hoa Nghiêm, sẽ chẳng biết sự phú quý trong*

truyền thuyết này (có thể là do các mưu sĩ của Lưu Bang loan tin đồn), nhiều người tin Lưu Bang có chân mạng đế vương. Ông khởi nghĩa, tham dự quân khởi nghĩa chống Tần của Hạng Lương (dòng dõi danh tướng Hạng Yên của nước Sở), lập nhiều chiến công. Sở Hoài Vương đã ước hẹn, ai vào Quan Trung trước sẽ được phong vương. Lưu Bang vào Hàm Dương trước, nhưng Hạng Vũ (cháu Hạng Lương) sau khi diệt nhà Tần đã nuốt lời giao ước, sát hại Sở Hoài Vương, chia Quan Trung làm bốn phần, phong cho Lưu Bang làm Hán Vương cai trị vùng Hán Trung (bao gồm Tứ Xuyên, Trùng Khánh, Thiểm Tây hiện thời) với mục đích giam lỏng tại đó. Hạng Vũ lại phong Chương Hàm, Đồng Í, và Tư Mã Hân làm Tam Tần Vương để ngăn chặn Lưu Bang tiến về Đông. Nhờ Trương Lương tìm được đường khác, Lưu Bang đã dẫn quân đánh về phía Đông, tấn công quân Sở. Sau một thời gian dài đánh nhau dằng dai với quân Sở, cuối cùng, Lưu Bang chiến thắng, lên ngôi Hoàng Đế vào năm 202 trước Công Nguyên và lập ra nhà Hán (Sử thường gọi là Tiên Hán hoặc Tây Hán). Ở đây, Hòa Thượng đã nhớ nhầm là năm 200 Tây Lịch. Từ khi nhà Hán thành lập vào năm 200 trước Công Nguyên cho đến khi nhà Thanh bị lật đổ bởi cách mạng Tân Hợi (năm 1911), vương triều Trung Hoa kéo dài gần 2.100 năm.

nhà Phật”, mà còn bảo “*chẳng đọc Hoa Nghiêm, sẽ không biết tâm lượng to lớn của Phật, Bồ Tát*”. Dùng phương pháp gì để mở rộng tâm lượng của chúng ta? Bộ sách giáo khoa này đúng là sách giáo khoa tốt nhất từ khi có lịch sử đến nay. Thầy tôi nói, kinh Hoa Nghiêm là khái luận triết học của kinh Phật, là sách giáo khoa hay nhất trên thế giới, các thứ học thuật của phương Đông lẫn phương Tây đều chẳng thể sánh bằng! Kinh có lý luận viên mãn, có phương pháp chặt chẽ, còn kèm thêm biểu diễn, tìm đâu ra loại sách giáo khoa [giống như vậy]? Tôi theo lão nhân gia học Triết Học, Ngài giới thiệu kinh Hoa Nghiêm. Khi ấy, tôi còn chưa đọc sách này; từ lời giáo huấn của thầy, mới biết có một bộ sách tốt đẹp dường ấy! Khởi tâm động niệm chẳng phải là nói đến chính mình, chẳng phải là nói đến một đoàn thể. Một gia đình, một đoàn thể, một xã hội, một quốc gia, thậm chí nay chúng ta nói là toàn thể thế giới. Đó là “thế giới quan”. Kinh này nói theo “vũ trụ quan”, niệm nào cũng “*đương nguyện chúng sanh*” (nguyện cho chúng sanh), “*chúng sanh*” ở đây chính là chúng sanh trong hết thảy các cõi nước khắp pháp giới, hư không giới, chẳng sót một ai!

“*Tâm đắc giải thoát, an trụ bất động*” (Tâm được giải thoát, an trụ bất động), hai câu này xuất phát từ chỗ nào? Liên quan tới buổi học trước! “*Tâm đắc giải thoát*” là Giải Môn, “*an trụ bất động*” là Hạnh Môn. Đối với hai bài kệ thứ năm và thứ sáu trong phần trước, “*nhược tu u Quán*” (nếu như tu Quán), quý vị thấy “*đương nguyện chúng sanh, kiến như thật lý, vĩnh vô quai tránh*” (nguyện cho chúng sanh, thấy lý như thật, vĩnh viễn chẳng chống trái, tranh cãi), đây chính là “*tâm đắc giải thoát*”. “*Tu hành u Định, đương nguyện chúng sanh, dĩ Định phục tâm, cứu cánh vô dư*” (Tu hành nơi Định, nguyện cho chúng sanh, dùng Định chế ngự cái tâm, rốt ráo chẳng sót). Đây là “*an trụ bất động*”. Phải áp dụng những gì đã học được trong các buổi học vào cuộc sống thực tế. Ở đây, chúng ta ắt phải ghi nhớ, Bồ Tát chính mình làm được, mới “*nguyện cho chúng sanh*”. Nếu chính mình chẳng làm được, nay chúng ta nói, lấy gì để giúp đỡ chúng sanh? Nói theo Phật pháp, chính mình chẳng làm được, lấy đâu ra công đức để hồi hướng cho người khác? Nay ta nói “*hồi hướng*” là “*chia sẻ với mọi người*”, đây là công đức. Nhắc nhở đại chúng: “Tôi đã khế nhập, chân thật, chẳng hư dối. Nếu quý vị có thể làm như vậy, quý vị cũng có thể khế nhập”. Chính mình nêu gương tốt cho người khác thấy. Chư Phật, Bồ Tát hiện thân thuyết pháp trong mười pháp giới, biểu diễn cho chúng ta: “Trong vũ trụ, chỉ có chuyện này là thật, những thứ khác đều chẳng thật!” Quý vị thấy ý nghĩa này hay lắm, viên mãn lắm! Sau khi đứng lên, đương nhiên là sẽ rời khỏi giảng đường, tức là rời khỏi đạo tràng. Rời khỏi đạo tràng thì phải cất bước.

(Kinh) *Nhược cử u túc.*

(經) 若舉於足。

(Kinh: *Nếu như cất bước.*)

Đấy là bắt đầu bước đi.

(Kinh) Đương nguyện chúng sanh, xuất sanh tử hải, cụ chúng thiện pháp.

(經)當願眾生。出生死海。具眾善法。

(Kinh: Nguyện cho chúng sanh, thoát biển sanh tử, đủ các pháp lành).

Đây là trong cuộc sống hằng ngày, tức là ngay trong hiện tiền. Nay chúng ta cùng nhau học tập phẩm Tịnh Hạnh, chúng ta có muốn áp dụng một trăm bốn mươi một nguyện này vào hiện tiền hay không? Nay chúng ta chẳng cần phải trải tòa để ngồi, hiện thời đã có ghế dựa. Trước khi chúng ta ngồi xuống, nhất định sẽ coi trước ghế có sạch hay không? Nếu không sạch, sẽ lau chùi nó để chính mình ngồi lên đó. Coi thử ghế có sạch hay không cũng giống như “trải tòa để ngồi”. Nhưng hiện thời, khi ngồi, chúng ta chẳng xếp bằng, phải hiểu ý nghĩa này! Khi chúng ta đứng lên, đã đứng lên thì chính là “*hạ túc trụ thời*” (khi buông chân xuống, đứng dậy). “*Trụ*” (住) là đứng lên. Buổi học đã xong, chúng ta ra khỏi giảng đường, “*nhược cử túc thời, đương nguyện chúng sanh, xuất sanh tử hải*” (nếu khi giờ chân, nguyện cho chúng sanh, thoát biển sanh tử). “*Xuất sanh tử hải*” là thoát khỏi lục đạo luân hồi, thoát khỏi mười pháp giới.

Trong lục đạo luân hồi, hai loại sanh tử đều có, [tức là] hai thứ sanh tử Biến Dịch Sanh Tử và Phần Đoạn Sanh Tử đều có. Tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật (“*Phật*” ở đây là Phật trong mười pháp giới), chẳng có Phần Đoạn Sanh Tử, nhưng có Biến Dịch Sanh Tử. Phần Đoạn Sanh Tử là nói về lục đạo. Nói tổng quát, ví như người đến đầu thai trong thế gian, sanh ra, đầu thai, từ lúc sanh ra mãi cho đến khi thọ mạng trong đời này đã hết, chết đi, đó là một giai đoạn. Một đời ấy được gọi là một giai đoạn. Sau khi đã chết, kẻ ấy lại đầu thai, thuận theo nghiệp lực dẫn dắt mà sẽ đến đầu thai trong đường nào đó. Trong kinh, đức Phật đã nói rõ chuyện này: “*Cường giả tiên khiên*” [nghĩa là] nghiệp lực nào mạnh mẽ, sẽ dẫn [thần thức của người ấy] đi đầu thai trước. Nếu đời này thiện niệm của quý vị rất mạnh, thiện niệm vượt trội ác niệm, nhất định là quý vị sẽ đầu thai vào ba thiện đạo trước. Nhất định là như vậy. Nếu đời này làm người, ác niệm nhiều, thiện niệm ít, do ác niệm quá mạnh, đời sau quý vị sẽ đến đầu thai trong ba ác đạo. Cái nào mạnh sẽ lồi đi trước, dắt quý vị đi đầu thai. Từng giai đoạn như vậy được gọi là Phần Đoạn Sanh Tử (分段生死). Đây là nói theo nghĩa rộng.

Nếu nói theo nghĩa chân thật của đức Phật, thân thể này của chúng ta xác thực là Phần Đoạn Sanh Tử. Bản thân chúng ta có thể nhận biết hay không? Chẳng thể cảm nhận! Mỗi niệm đều là một đoạn, niệm niệm quá vi tế, chúng ta chẳng dễ hiểu! Chúng tôi nêu một thí dụ. Mỗi ngày coi như một giai đoạn. Ngày hôm qua là một ngày đã qua đi, có phải là đã “chết” mất rồi hay sao? Còn có thể quay lại hay không? Chẳng thể quay lại; đó là nói theo từng ngày một. Lại nói cận kề hơn một tí, mỗi ngày có hai mươi bốn giờ, một giờ đã trôi qua, giờ ấy có thể quay lại hay chẳng? Mỗi giờ có sáu mươi phút, một phút đã qua, tức là “đã chết”, chẳng thể quay lại được, từng đoạn một. Chia tới chỗ cực hạn, sẽ là sanh diệt trong từng

sát-na. Liễu giải chân tướng sự thật này, vì thế, nói “*niệm niệm chẳng trụ*”. Đó là chân tướng, là Thật Tướng của các pháp. Không chỉ là loài người, mà tất cả hết thảy các pháp đều chẳng thường trụ, đều sanh diệt trong từng sát-na. Chúng ta thấy dường như con người có thể sống vài chục năm, trong thế gian có rất nhiều thứ có thể tồn tại mấy trăm năm, mấy ngàn năm, [nhưng thật ra], thảy đều là sanh diệt trong từng sát-na. Duyên thù thắng hơn một tí, sẽ là tướng tương tục (tướng tiếp nối), tuyệt đối chẳng phải là một tướng, mà là tướng liên tục. Ta ngày hôm qua chẳng phải là ta ngày hôm nay, ta ngày hôm nay chẳng phải là ta trong ngày mai. Nhưng người quán chiếu tinh vi, kín nhiệm như thế, nói thật ra, chẳng nhiều! Phải là người rất cẩn thận thì mới được, kể ơ hờ qua loa sẽ chẳng thể cảm nhận được!

Đức Phật dạy chúng ta những phương pháp hết sức đáng quý, khiến cho chúng ta quan sát cẩn thận, tuy chẳng thể triệt để liễu giải chân tướng của vũ trụ, nhưng có thể dần dần tiếp cận. Khởi đầu, tuy có thể hiểu một, hai phần; một, hai phần ấy đã khởi tác dụng rất lớn, có thể uốn nắn khá nhiều sai lầm cho chúng ta. Niệm nào cũng đều thoát khỏi biển sanh tử, đấy là Chánh Giác tuyệt diệu. Sanh tử luân hồi trong lục đạo thì hết thảy đều vô thường, có còn mong sanh tử nữa hay chẳng? Từ vô lượng kiếp đến nay, trong kinh, đức Phật đã nói quá nhiều lần: “*Sanh tử bì lao*” (生死疲勞, sanh tử mệt mỏi, nhọc nhằn), quá nhiều lần! Người giác ngộ hy vọng đời này sẽ là lần cuối cùng, đời sau chẳng còn luân hồi nữa! Bậc thật sự cao minh, thật sự giác ngộ, [sẽ cảm nhận]: “Ngày hôm nay đã qua, hãy nên đoạn sạch chuyện luân hồi trong lục đạo. Từ nay trở đi, ta sẽ không làm nữa”, [tức là] chẳng làm những chuyện thuộc về luân hồi, chẳng tạo nghiệp luân hồi. Như thế nào thì mới có thể chẳng tạo nghiệp luân hồi? Nếu xả trừ cái tâm luân hồi, sẽ không tạo nghiệp luân hồi! Tâm luân hồi là tâm gì vậy? Cái tâm chấp trước. Chấp trước kiên cố hết thảy vạn sự, vạn vật trong thế gian và xuất thế gian, đấy là tâm luân hồi. Trừ bỏ cái tâm luân hồi, sẽ chẳng tạo nghiệp luân hồi. Quý vị chẳng tạo nghiệp luân hồi, đời sau chắc chắn chẳng bị luân hồi!

Nếu chúng ta hỏi, nay chúng ta phải như thế nào thì mới chẳng tạo nghiệp luân hồi? Phật, Tổ đều dạy chúng ta: “*Nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật*”. Quý vị thấy A Di Đà Phật có tương ứng với lục đạo hay không? Trong ba thiện đạo chẳng có A Di Đà Phật; trong ba ác đạo cũng chẳng có A Di Đà Phật. Lại thừa cùng chư vị, trong tứ thánh pháp giới cũng chẳng có A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ở nơi đâu? Trong Nhất Chân pháp giới, Cực Lạc là Nhất Chân pháp giới. Chẳng phải là đã rõ rành rành rồi hay sao? Nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, buông xuống hết thảy phân biệt, vọng tưởng, chấp trước. Vị đường chủ trong Niệm Phật Đường thường nói: “*Buông xuống thân, tâm, thế giới, một bề chuyên niệm*”. Đây là “*xuất sanh tử hải*” (thoát khỏi biển sanh tử), đấy là “*cụ chúng thiện pháp*” (trọn đủ các thứ thiện pháp). Do vậy, một câu Phật hiệu được gọi là “*vạn đức hồng danh*” vì nó trọn đủ hết thảy thiện pháp.

Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng nhắc đến đạo lý này vài lượt. Vào thời đại Tùy - Đường, những vị cao tăng đại đức, kể cả những vị từ Nhật Bản, Đại Hàn đến tham học tại Trung Hoa. Các Ngài cũng từng dấy vọng tưởng, suy

nghe điều gì? Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng nhiều ngàn ấy, bộ kinh nào có thể đại biểu cho hết thấy các pháp, đại biểu cho hết thấy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, dùng bộ kinh ấy làm đại biểu. Kết quả là các vị tổ sư đại đức ấy gần như đều cùng thừa nhận, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Do vậy, mọi người gọi kinh Hoa Nghiêm là “*kinh trung chi vương*” (vua trong các kinh), là “*căn bản pháp luân*”. Nói theo kiểu hiện thời, “*pháp luân*” là sách giáo khoa, [“*căn bản pháp luân*” có thể hiểu] là sách giáo khoa cơ bản. Mở kinh Hoa Nghiêm ra, vô lượng pháp môn. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, pháp môn nhiều ngàn ấy đều được cô đọng thành một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Gần như mọi người đều khẳng định điều này!

Đây là từ trong hết thấy các pháp môn, đã tìm được một đại biểu, còn có kinh điển nào đơn giản hơn nữa để có thể làm đại biểu cho kinh Hoa Nghiêm, [nội dung lại] bao gồm kinh Hoa Nghiêm hay không? Cứ truy tầm từng bộ một. Truy cứu kiểu đó, do phần cuối của kinh Hoa Nghiêm là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc được dạy trong kinh Vô Lượng Thọ. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là Đại Bản của kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản của kinh Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà là Tiểu Bản, kinh A Di Đà là Tiểu Bản của kinh Hoa Nghiêm và là Tiểu Bản của kinh Vô Lượng Thọ, càng đơn giản hơn. Phần quan trọng nhất trong kinh Vô Lượng Thọ là đoạn kinh văn nào? Các vị tổ sư đại đức đã quy nạp, thay cho chúng ta tìm ra bốn mươi tám nguyện. Phần quan trọng nhất trong kinh Vô Lượng Thọ là bốn mươi tám nguyện. Trong bốn mươi tám nguyện, quan trọng nhất là nguyện nào? Tổ sư đại đức đã đề ra nguyện thứ mười tám. Nguyện thứ mười tám nói gì vậy? “*Lâm mạng chung thời, thập niệm tất sanh*” (Khi lâm chung, do mười niệm ắt được vãng sanh).

Sau đây, quý vị mới hiểu, một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*” triển khai ra sẽ là bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện triển khai thành kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ triển khai thành kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm lại triển khai thành hết thấy các kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Tìm đến cuối cùng, A Di Đà Phật vốn là cốt lõi của toàn thể Phật pháp. Như vậy thì quý vị niệm một câu A Di Đà Phật chẳng phải là đã trọn đủ các thiện pháp ư? Chẳng sai tí nào! Nhưng nay chúng ta niệm Phật, chẳng biết niệm! Có sao chẳng biết niệm? Niệm một câu A Di Đà Phật mà vẫn xen tạp vọng tưởng, [tức là] chẳng biết niệm! Cổ đại đức dạy chẳng sai, nhất tâm xưng niệm. Kinh Vô Lượng Thọ nói là “*nhất hướng chuyên niệm*” (một bề chuyên niệm). “*Hướng*” (向) là phương hướng, chớ nên xen tạp! Cổ đại đức dạy chúng ta, bí quyết của pháp môn Niệm Phật gồm có ba điều: Điều thứ nhất là chẳng hoài nghi, điều thứ hai là chẳng xen tạp, điều thứ ba là chẳng gián đoạn. Quý vị có thể làm được ba câu ấy, xác thực là đã đầy đủ vô lượng vô biên thiện pháp!

Ba câu ấy đều chẳng dễ dàng! Quý vị có nghi hoặc đối với pháp môn Niệm Phật hay không? Hễ có nghi, tín tâm chẳng thật! Làm sao biết quý vị có nghi?

Quý vị chẳng buông xuống duyên thế gian, đó là nghi hoặc. Nếu thật sự tin tưởng, chẳng hoài nghi, bảo quý vị buông xuống thân, tâm, thế giới, [quý vị] sẽ thật sự buông xuống. Đây là chẳng có nghi hoặc, nhất tâm chuyên niệm. Trong thời cận đại, cách thời hiện đại chẳng xa, chưa đến nửa thế kỷ, lão pháp sư Đàm Hu có kể [một trường hợp]. Thầy của Ngài là lão hòa thượng Đế Nhân. Lão hòa thượng Đế Nhân có một đồ đệ làm “*oa lậu tượng*”, hề nhắc đến [lão pháp sư Đàm Hu] thì Hương Cảng rất thân thuộc. Tôi nghe câu chuyện này từ băng âm, ở Hương Cảng có đồng học (khi đó tôi ở Mỹ), họ gửi hai băng âm cho tôi, [âm lời] khai thị của pháp sư Đàm Hu trong Phật Thất ở Hương Cảng. Lời khai thị gồm hai cuộn băng, một cuộn trong ấy có câu chuyện này!

“*Oa lậu tượng*” (鍋漏匠): Oa lậu tượng là gì? Hiện thời chẳng ai hiểu, tức là thợ vá nồi, vá bát. Những thứ giống như đồ sứ bị vỡ, còn có thể chấp vá lại để dùng, tái sử dụng! Hiện thời chẳng có chuyện này! Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, không chỉ là sản phẩm nhiều hơn trước, mà còn tiến bộ hơn trước rất nhiều. Số lượng cũng được gia tăng rất lớn, hề bị hỏng đều vứt đi, chẳng cần nữa. Xưa kia chẳng phải vậy, vật tư hết sức thiếu thốn, nồi hoặc bát bị vỡ bèn chấp vá lại. Thuở bé, tôi đã thấy nghề này, công việc rất nhọc nhằn. Ông ta làm nghề ấy quá vất vả. Do vậy, sau đó, tìm đến pháp sư Đế Nhân. Ông ta và pháp sư Đế Nhân trưởng thành từ bé trong cùng một thôn làng, đáng gọi là “bạn chơi với nhau thuở bé”. Cuộc sống quá vất vả, thấy Sư xuất gia được lắm, chẳng phải lo ăn, chẳng lo mặc; vì vậy, tính theo Sư xuất gia.

Pháp sư Đế Nhân nói: “Không được! Ông xuất gia thì tuổi đã cao quá rồi, đã ngoài bốn mươi tuổi, chẳng biết chữ”. Sư bảo: “Nay ông học kinh giáo, do không biết chữ, ở trong chùa chiêm học năm đường công khóa⁵, cũng chẳng biết xưng niệm, quá ngốc nghếch, làm sao ông có thể xuất gia cho được?” Kết quả là tâm người ấy rất kiên định, cứ lẳng nhằng không đi, Sư chẳng thể nào không đáp ứng. Cuối cùng, pháp sư Đế Nhân bị ông ta ép không làm sao được, đành phải bàn điều kiện với ông ta. Sư bảo: “Thôi được rồi! Ông muốn xuất gia thì hết thấy điều phải nghe theo tôi”. Ông ta đáp: “Không thành vấn đề! Chuyện gì tôi cũng đều nghe theo thầy”. Sư mới cho ông ta xuống tóc. Sau khi xuống tóc, chẳng thể sống trong chùa miếu, vì đại chúng trong chùa miếu sẽ khinh dễ ông ta. Nếu năm đường công khóa chẳng biết làm, làm sao có thể ở trong chùa miếu cho được?

Vì thế, [Sư đưa ông ta] đến vùng quê ở Ôn Châu. Khi đó, có rất nhiều ngôi chùa nhỏ chẳng có ai ở. Sư tìm một ngôi chùa nhỏ cho ông ta ở. Tìm quanh đó mấy vị hộ pháp, chăm lo cuộc sống cho ông ta. Ông ta sống rất đơn giản. Rất khó

⁵ Ngũ đường công khóa có nhiều cách hiểu. Theo cách hiểu phổ biến nhất, ngũ đường công khóa là năm khóa tụng niệm chính trong tụng lâm bao gồm công phu sáng, công phu tối, sám hối, cùng với các bài tụng khi thọ trai hai thời. Có thuyết thì cho rằng ngũ đường công khóa là khóa sáng, khóa tối, khóa tụng niệm hai thời thọ trai và cúng ngọc. Có thuyết giải thích khác như sau: Buổi sáng gồm hai đường (chú Lăng Nghiêm là một đường, đường kia là Đại Bi và Thập Chú), buổi tối ba đường (kinh Di Đà là một đường, Đại Sám Hối Văn là một đường nữa, và Mông Sơn Thí Thực là đường thứ ba).

có, còn có một bà lão phát tâm nấu cơm cho ông ta. Pháp sư Đế Nhân dạy ông ta một câu “*nam-mô A Di Đà Phật*”, bảo: “*Ông niệm câu này, hễ niệm một bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp. Chuyện gì cũng đều chẳng nghĩ tới, chuyên niệm một câu này*”. Ông ta thật sự nghe lời, ở trong ngôi chùa nhỏ ấy, suốt ba năm không ra khỏi cửa, niệm một câu A Di Đà Phật, niệm hơn ba năm, thật sự thành tựu. Ngày hôm ấy, bảo bà lão nấu cơm: “Ngày mai tôi phải vào thành, ngày mai bà không cần nấu cơm cho tôi”. Ông ta vào thành thăm bạn bè, còn có các thân thích bằng hữu, đi thăm họ, trên thực tế là giả biệt, ông ta cũng chẳng nói, đi thăm bạn bè thôi! Sau khi quay về, bảo bà lão: “Ngày mai bà chẳng cần nấu cơm cho tôi”. Bà lão nghĩ: “Hôm qua ông ta ra ngoài thăm bạn bè, chắc là ngày mai có bạn bè mời ông ta dùng cơm!”

Vì thế, cho đến giữa trưa hôm sau, bà vẫn đến chùa coi thử pháp sư có cơm ăn hay không? Kết quả là đến chùa tìm, gọi ông ta chẳng thấy ai trả lời, cuối cùng thấy ông ta đứng trong phòng, đứng sững tại đó, gọi thì không trả lời. Đến trước mặt coi kỹ, thấy đã chết, bà ta sợ ngây người, chưa từng thấy có người đứng chết. Ông ta đứng mát! Lúc ấy mới vội vã báo cho mấy vị hộ pháp biết. Những người hộ pháp đến xem, cũng [cảm thấy] rất hiếm có, rất kinh ngạc, vội vàng sai người sang chùa Quán Tông báo tin cho lão pháp sư Đế Nhân. Khi đó, cụ Đế Nhân còn là Tri Khách Sư của chùa Quán Tông, vẫn chưa phải là Trụ Trì, chỉ là Tri Khách Sư tại chùa Quán Tông. Nghe tin ấy, Sư vội vã về quê. Đi và về mất ba ngày, quý vị thấy người đồ đệ ấy sau khi đã chết, đứng suốt ba ngày. Sau khi trông thấy, pháp sư Đế Nhân rất hoan hỷ: “Ông chẳng phí công xuất gia! Thành tựu của ông, các vị phương trượng trụ trì từng lâm khắp Trung Hoa chẳng ai có thể sánh bằng!” Thật vậy, chẳng giả tí nào! Quý vị thấy niệm một câu Phật hiệu suốt ba năm, biết trước lúc mát, đứng sững vắng sanh, chẳng ngã bệnh. Ra đi tự tại đường ấy, tiêu sai đường ấy. Pháp sư Đế Nhân lo liệu hậu sự cho ông ta.

Một câu A Di Đà Phật, “*cụ chúng thiện pháp*” (đủ các pháp lành), giống như ông ta thì mới được. Ông ta thật sự làm được, chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Do vậy, phương thức ấy của cụ Đế Nhân hay quá! Quý vị niệm một liên nghỉ, nghỉ đã khỏe lại tiếp tục niệm, chẳng phân chia ngày đêm. Bất cứ khi nào một bèn nghỉ ngơi khi ấy. Đã nghỉ ngơi xong lại tiếp tục niệm. Thời gian ba năm! Về sau, tôi đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện, thấy trong ấy rất nhiều trường hợp [niệm Phật] từ ba năm đến năm năm bèn thành tựu. Đã từng có đồng tu hỏi tôi, có phải là thọ mạng của họ đã tới? Tôi nghĩ chẳng phải, há có chuyện phù hợp vừa khéo như thế? [Nếu bảo là do] thọ mạng đã tới, mấy người thì được, chẳng thể có nhiều người ngàn ấy! Chẳng phải là thọ mạng đã đến, mà là do công phu của họ thành tựu. Công phu đã thành tựu, chẳng cần thân thể này nữa, có thể ra đi trước thời hạn. Sanh tử tự tại mà! Họ chẳng lưu luyến thế gian này, hy vọng sớm có ngày vắng sanh. Thật đấy! Chẳng giả tí nào! Do vậy, “*xuất sanh tử hải, cụ chúng thiện pháp*” (thoát biển sanh tử, đủ các pháp lành) chính là một câu hồng danh sáu chữ. Nay đã hết thời gian rồi!

Tập 1518

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, phần kệ tụng thuộc đoạn lớn thứ tư, Tương Hành Phi Quả (將行披挂, chỉnh đốn y phục lúc sắp ra đi), xem từ nguyện thứ ba.

(Kinh) Trước hạ quần thời, đương nguyện chúng sanh, phục chư thiện căn, cụ túc tâm quý.

(經) 著下裙時。當願眾生。服諸善根。具足慚愧。

(Kinh: Khi vấn cái xiêm, nguyện cho chúng sanh, mặc các thiện căn, trọn đủ hổ thẹn).

Đoạn này có tất cả sáu nguyện. Nói chung, sáu nguyện ấy là khi đã “*hạ tòa*” (下座, rời chỗ ngồi) bèn “*chỉnh y*” (整衣), tức là sửa sang y phục cho ngay ngắn. Ất cần phải biết điều này, đây là tập tục thời cổ Ấn Độ, mà cũng là lễ phép, coi như là “*oai nghi*” như người Trung Hoa đã nói. “*Hạ tòa*” là nói theo Trung Hoa, vì Thiên Đường và Niệm Phật Đường tại Trung Hoa đều có chỗ ngồi. Trong giảng đường, đương nhiên cũng có bàn học, có ghế ngồi. Hơn nữa, trang phục của Trung Hoa chẳng giống Ấn Độ, dễ dàng hơn. Y phục của Ấn Độ, khi ngồi xuống và đứng lên, đều phải chỉnh trang y phục, vì họ quấn trên thân. “*Hạ quần*” (下裙) là bức vải quấn ở phía dưới. Chúng ta biết thời cổ gọi nó là “*y thường*” (衣裳, xiêm y, váy xống). “*Thường*” (裳) là cái váy. “*Khố*” (襪, quần dài): Người Hoa bắt đầu chế ra “*khố tử*” (quần dài)⁶ khá muộn. Theo lịch sử Trung Hoa ghi chép, thời đại Xuân Thu vẫn toàn là vận “*y thường*”.

“*Trước hạ quần thời*”: Cái váy quấn ở dưới do phải buộc đai, nên gọi là Quả. “*Phi quả*” (披挂, khoác, quấn), “*quả*” là cái váy ở dưới. Trong Số Sao, Thanh Lương đại sư không chú giải nhiều, nhưng đã nêu rộng ý nghĩa.

(Số) Hạ y cái xú, cố nguyện đắc tâm quý.

(疏) 下衣蓋醜，故願得慚愧。

(Số: Hạ y che thứ xấu xa, nên nguyện “đạt được hổ thẹn”).

⁶ Trong tiếng Hán, Khố (襪) là cái quần có hai ống, thường hiểu là quần dài (trouser), trong khi Quần (裙) lại là cái váy, bao gồm tất cả các loại skirt, jupe như trong hiện thời, kể cả các loại sarong. Thuở trước, phụ nữ không mặc quần dài. Hồng Quần chính là loại váy của phụ nữ có nhiều nếp xếp. Khố là danh từ chung chỉ loại quần có hai ống. Do đó, khi nói rõ quần dài (bất luận bằng chất liệu gì) sẽ gọi là Trường Khố, quần đùi, quần short là Đoản Khố, quần jean là Ngưu Tử Khố, quần short may ống phồng dành cho các nữ sinh mặc khi tập thể dục gọi là Đàng Lung Khố (quần đèn lồng), loại quần bó (leggings) sẽ gọi là Khẩn Thân Khố, hoặc Nội Tháp Khố, quần lót gọi là Tiết Khố hoặc Nội Khố v.v... Còn cái khố như người Thượng mặc sẽ gọi là Triền Yêu Đới (纏腰帶). Chữ này đôi khi cũng dùng để chỉ các loại đai nhằm bảo vệ lưng. Riêng loại khố như các võ sĩ sumo của Nhật mặc thì gọi là Quân (禪, fundoshi).

Quý vị thấy Ngài đã mở rộng ý nghĩa từ chỗ này! Người và động vật khác nhau. Con người luôn có tâm xấu hổ, thẹn thùng. Từ xấu hổ, tự nhiên sẽ có cái tâm “*tàm quý*”. Tàm (慚) là tự phản tỉnh. Nói thông thường, lương tâm cảm thấy có lỗi thì là Tàm. Quý (愧) là dư luận bên ngoài, cũng là như nay chúng ta nói “đại chúng bình phẩm phê bình quý vị”. Quý vị làm việc thiện, đại chúng tán thán, tán dương quý vị. Đây là chuyện tốt. Quý vị làm chuyện sai quấy, tạo tội nghiệp, đại chúng trong xã hội chỉ trích, phê bình quý vị. Đó là Quý (thẹn). Đây gọi là thẹn với xã hội, thẹn với tổ tiên, thẹn với những người cùng hàng, bao gồm những ý nghĩa này. Nếu con người chẳng biết thẹn, sẽ còn xấu hơn súc sanh!

Hiện thời, xác thực là luân lý đạo đức trong toàn thể xã hội đã gần như tiêu mất! Có mấy ai trong hiện thời biết hổ thẹn? Trong Đại Thừa Phật pháp, Tàm Quý thuộc loại Thiện Tâm Sở theo cách phân loại trong Bách Pháp Minh Môn Luận. Vô Tàm, Vô Quý thuộc về ba loại phiền não lớn. Ngoài căn bản phiền não, có Tùy Phiền Não. Tùy phiền não⁷ gồm Đại Tùy, Trung Tùy, và Tiểu Tùy, hai món ấy thuộc loại Trung Tùy, tức là Vô Tàm, Vô Quý. Vô Tàm thì làm bất cứ chuyện xấu nào, chẳng có lương tâm. Kẻ ấy chẳng biết lương tâm là gì, mà cũng chẳng sợ kẻ khác phê bình. Có nghĩa là kẻ ấy chẳng cần biết đến dư luận, “các người nói gì đi nữa, ta cứ làm chuyện của ta!” Người mà đã đến mức ấy, chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền đều chẳng có cách nào cứu quý vị! Ai có thể cứu? Ai có thể quay đầu? Kẻ còn có tâm hổ thẹn. Dẫu làm chuyện xấu, có khi nghĩ lại, vẫn bị lương tâm cắn rứt. Đây là tâm sở Tàm. Vẫn sợ dư luận bên ngoài phê bình, đó là tâm sở Quý. Do vậy khi mặc hạ y, váy hay quần đều thuộc loại hạ y, sẽ liên tưởng đến chuyện “*che chắn xấu xa*”, tức là đã biết thẹn!

Cổ nhân thường nói: “*Tri sỉ cận hồ dũng*” (Kẻ biết thẹn gần như là kẻ dũng mãnh). Người biết thẹn mới có thể mạnh mẽ dấy lên ý chí, mới có thể đội trời đạp đất. Chúng ta suy ngẫm đôi chút, nổi sỉ nhục lớn nhất trong đời người là gì? Chính là không hiểu rõ chân tướng Sự Lý, làm càn, làm quấy, tạo tác tội nghiệp, chiêu cảm khổ báo trong tam đồ. Đây là nổi sỉ nhục cực đại! Có lỗi với cha mẹ, có lỗi với tổ tiên, cô phụ cái thân người trong đời này! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói “*thân người khó được*”. Nếu đã nghe Phật pháp, vậy là có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với kinh giáo, tuy đã nghe mà chẳng nghiêm túc hành! Nay chúng ta hãy ngẫm xem, hãy suy ngẫm chính mình, lại nhìn vào hoàn cảnh chung quanh, có thể nói là “*toàn thể đều bị mê mất phương hướng*”. Nếu chúng ta chẳng huân tu kinh giáo một thời gian dài, đã sớm mê mất, chắc chắn sẽ chẳng khác người đời! Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần bày ra trước mắt, lẽ đâu

⁷ Tùy phiền não (Upakleśa) có nghĩa là các món phiền não phụ thuộc, ở ngoài căn bản phiền não. Chúng gồm có hai mươi món, chia thành ba loại:

1. Tiểu Tùy: Phẫn (giận dữ), Hận (căm hờn), Não (sầu khổ, bực bội), Phú (che giấu), Cuống (đối trá), Siểm (nịnh bợ), Kiêu (kiêu căng), Hại (mang ý tưởng làm hại người khác), Tật (ghen ghét), Xan (keo kiệt).

2. Trung Tùy: Vô Tàm, Vô Quý.

3. Đại Tùy: Bất Tín, Giải Đãi, Hôn Trâm, Trạo Cử, Phóng Dật, Thất Niệm, Tán Loạn, Oai Tri (hiểu biết lệch lạc).

chẳng động tâm cho được? Làm sao có thể chẳng tham cầu? Sau khi cái tâm keo kiệt, tham lam đã dấy lên, chắc chắn sẽ làm chuyện tổn người, lợi mình. Câu thành ngữ “*tổn người, lợi mình*”, nói thật ra, đã sai mất rồi, sai ở chỗ nào? Tổn người, chắc chắn sẽ bắt lợi cho chính mình! Phải nói rõ ràng, nói minh bạch chân tướng sự thật khiến cho người ta giác ngộ.

Trong giáo huấn nhân quả thường nói, ngay cả ông Khải Tây (Edgar Cayce) của Mỹ cũng nói khẳng định: “*Những thứ phải cảm nhận trong một đời của bất cứ ai trên thế giới, chẳng có chuyện nào không liên quan đến hạnh nghiệp trong đời trước*”. Đây là nói đến nhân quả. Đã liên quan đến hạnh nghiệp trong đời trước, hết thảy những tạo tác trong kiếp này của chúng ta đương nhiên cũng liên quan đến đời sau. Phật pháp nói rất hay: “*Dục tri tiên thế nhân*”, [nghĩa là] nếu chúng ta muốn biết trong đời quá khứ đã tạo cái nhân gì, “*kim sanh thọ giả thị*”, [nghĩa là] những gì quý vị đã hứng chịu trong đời này, bất luận là hoàn cảnh nhân sự hay hoàn cảnh vật chất, những gì quý vị phải hứng chịu [trong đời này] là do đời trước quý vị đã gây tạo. “*Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*”, [nghĩa là] nếu quý vị muốn biết quả báo trong đời sau của mình sẽ như thế nào ư? Những gì quý vị đã nghĩ, đã làm trong đời này chính là cái nhân cho đời sau, quý vị sẽ hiểu ngay! Do vậy, tổn người làm sao [có thể] lợi mình cho được? Há có lẽ ấy! Thưa thật cùng quý vị, tổn người chắc chắn sẽ hại mình, chẳng đạt được mấy may lợi ích nào!

Như trong xã hội hiện thời, những chuyện gạt gẫm kẻ khác xuất hiện không cùng tận! Thứ gì cũng đều có đồ giả! Tôi nghe đồng học kẻ, trứng gà cũng có trứng giả, chẳng phải là chuyện đùa đâu nhé! Thức ăn hiện thời đúng là chẳng đáng tin, sử dụng những chất hóa học, ăn vào sẽ khiến cho người ta bị bệnh, quý vị đã hại người rồi! Những thứ do quý vị bán ra, quý vị lấy tiền của người ta, mà đồ của quý vị giả trá, lừa gạt kẻ khác, khiến cho họ ngã bệnh, thậm chí mất mạng! Hạng người như vậy, đối với chuyện như vậy mà có thể nhẫn tâm làm ư? Nói thật ra, người hiện thời chỉ mong kiếm lời, chẳng suy xét hậu quả, chẳng tin nhân quả báo ứng, chẳng tin con người có đời sau! Đây là do điều gì tạo thành? Do thành tựu khoa học tạo thành. Con người tin tưởng khoa học, tin vào đời hiện tại, chẳng tin có đời sau. Vì thế, họ dám làm [những chuyện thương thiên bại lý, tàn nhẫn], nói thật ra là do không biết chân tướng của nhân sinh và vũ trụ!

Trong quá khứ, người Hoa tin vào giáo huấn của thánh hiền, tin tưởng luân lý đạo đức, tin tưởng “*thiện nhân thiện quả, ác nhân ác báo*”, lịch sử hơn hai ngàn năm đã ghi chép. Lắng lòng quan sát, tư duy thời đại hiện tại, quý vị sẽ thấy rất nhiều chuyện nhân quả báo ứng từ các tin tức, nhưng mọi người thấy xong bèn như thế nào? Chẳng hề động lòng! “Chuyện ấy rất kỳ lạ, chẳng thể nghĩ bàn”, thế là xong! Trọn chẳng suy nghĩ, xem xét đôi chút: “Nếu chúng ta gặp phải chuyện ấy, có nên làm hay chẳng?” Chẳng có ai suy nghĩ vấn đề ấy, chỉ nghĩ: “Khoa học chẳng có cách nào giải thích chuyện lạ lùng ấy!” Chúng tôi mong mỗi những chuyện ấy được đăng tải nhiều hơn, nhưng các phương tiện thông tin cũng có rất nhiều hạn chế, chẳng muốn đăng tải. Vì sao? [Sợ bị chụp mũ] là tuyên truyền mê tín. Trên thực tế, chính họ mới là mê tín! Quý vị thấy những người làm

việc thiện, thiện tâm làm việc thiện, quý vị quan sát cẩn kẽ, [sẽ thấy] họ vẫn thật sự có quả báo tốt lành. Kẻ không điều ác nào chẳng làm, quý vị hãy quan sát, đâu hẳn vẫn có thể hưởng thụ một chút phước báo trong đời này, hãy quan sát con cháu của hắn. Hãy chú tâm quan sát sẽ thấy những chuyện ở ngay trước mắt; hãy đừng làm chuyện xấu!

Đôi với chuyện phải coi trọng giáo dục nhân quả, Ấn Quang đại sư đã suốt đời cực lực tuyên dương, còn [coi là chuyện] quan trọng hơn tuyên dương Phật pháp. Ngài đặt chuyện tuyên dương nhân quả lên hàng đầu, coi chuyện tuyên dương Tịnh Độ là thứ nhì. Thuở trước, tức ba mươi năm trước, thấy lão pháp sư làm kiêu ấy, tôi cảm thấy lạ lùng. Một vị tổ sư của Tịnh Độ Tông vì sao lại làm kiêu ấy? Suy nghĩ rất lâu mới thông suốt, mới hiểu dụng tâm của Ngài. Đó là bi tâm, rất tuyệt diệu! Để cứu vãn thế giới trong hiện thời, dùng bất cứ học thuật nào, dùng Nho hay dùng Phật đều chẳng kịp! Sự giáo dục ấy chính là “*thập niên thụ mộc, bách niên thụ nhân*” (mười năm trồng cây, trăm năm trồng người)⁸, làm chẳng kịp! Chỉ riêng nhân quả, quý vị thật sự hiểu rõ nhân quả, mới biết nhân quả đúng là đáng sợ. Thiện ác báo ứng như bóng theo hình!

Bản thân chúng ta mạng chẳng tốt, chẳng sao cả! Có thể sửa! “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Quý vị mong của cải, có thể đạt được. Mong công danh có thể đạt được. Liễu Phàm Tứ Huấn và Du Tịnh Ý Ngô Táo Thần Ký là những tấm gương tốt đẹp. Trong mạng của tiên sinh Liễu Phàm chẳng có của cải gì, mà cũng chẳng có công danh. Nay chúng ta gọi công danh là học vị (degree). Học vị của ông ta chỉ đạt tới Tú Tài, trong mạng chẳng có Cử Nhân, Tiến Sĩ lại càng chẳng cần phải nói đến. Tiến Sĩ thời cổ giống như học vị tiến sĩ (PhD) trong hiện thời. Cử Nhân giống như thạc sĩ (master), Tú Tài tương đương với học sĩ (bachelor). Trong ba học vị ấy, ông ta chỉ có học vị thứ nhất, chẳng coi là công danh được. Cử Nhân mới tính là có công danh, ông ta chẳng có học vị cao! Kết quả, ông ta thi Cử Nhân bèn đỗ, thi Tiến Sĩ cũng đậu, trong mạng chẳng có [thế mà vẫn đậu]! Thọ mạng chỉ có năm mươi ba tuổi, ông ta sống đến bảy mươi bốn tuổi, sống lâu hơn hai mươi năm. Đây là gì? Cải tạo vận mạng!

Dùng phương pháp gì? Quý vị thấy thiền sư Vân Cốc dạy ông ta, cũng như thiền sư Trung Phong dạy đại chúng, trong Liễu Phàm Tứ Huấn đều có ghi chép. Trước khi học Phật, tôi đọc quyển sách ấy, đại khái là trong vòng hai tháng, tôi đọc sách ấy ba mươi lần, hết sức cảm động. Ngẫm lại, những tật xấu của chính mình chẳng khác tiên sinh Liễu Phàm cho mấy, phước báo còn chẳng bằng ông ta. Mạng ông ta còn có Tú Tài, mạng tôi ngay cả Tú Tài cũng chẳng có. Ông ta

⁸ Đây là một thành ngữ phổ biến tại Trung Hoa, phát xuất từ chương Quyển Tu của sách Quán Tử. Nguyên văn: “*Nhất niên chi kế, mạc như thụ cốc. Thập niên chi kế, mạc như thụ mộc. Chung thân chi kế, mạc như thụ nhân. Nhất thụ nhất hoạch giả, cốc dã. Nhất thụ thập hoạch giả, mộc dã. Nhất thụ, bách hoạch giả, nhân dã*” (Kế một năm, không gì bằng trồng ngũ cốc. Kế mười năm, không gì bằng trồng người. Kế suốt đời, không gì bằng trồng người. Trồng một, thu hoạch một là ngũ cốc. Trồng một thu mười là trồng cây. Trồng một thu trăm là trồng người). Quán Tử là tác phẩm ghi lại những nhận định của Quán Trọng (tên tự là Di Ngô), thừa tướng của Tề Hoàn Công.

tuy nghèo hèn, cuộc sống vẫn còn có thể duy trì được. Chuyện này tôi cũng chẳng bằng ông ta. Thọ mạng của ông ta còn được năm mươi ba tuổi, tôi chỉ có bốn mươi lăm tuổi, thua kém rất xa. Vì thế, tôi đọc xong, nghiêm túc phản tỉnh, sửa lỗi đổi mới. Sau khi được nghe Phật pháp, tôi cũng chẳng mong cầu chi hết!

“*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*” là do Chương Gia đại sư dạy tôi. Ngài dạy tôi đề cầu thì có đạo lý đề cầu, có phương pháp đề cầu. Đúng lý, đúng pháp, chẳng có gì không cầu được! Quý vị thấy người ta cầu làm Phật mà còn có thể cầu được. Đó là chuyện khó khăn nhất, làm Phật mà còn có thể cầu được mà! Công danh, phú quý trong thế gian này, nói theo Phật pháp, thầy Lý thường nói, đó là chuyện “*lông gà, vò tỏi*”, quá đơn giản! Chẳng có một ai không cầu được! Chúng tôi nói là “*cải tạo vận mạng*”. Đây là những lợi ích rất nhỏ nhất. Được của cải, được thông minh, trí huệ, được khỏe mạnh, sống lâu; đó là những lợi ích rất vật vãnh! Làm thánh, làm hiền, làm Phật, làm Bồ Tát, đó là đại lợi ích; đáng tiếc là người thế gian chẳng có tầm nhìn ấy, chẳng có loại viễn kiến (tầm nhìn xa) ấy, chỉ thấy trước mắt!

Cầu những điều lợi nhỏ nhất trước mắt như thế nào? Đức Phật dạy, chúng ta đã gieo cái nhân trong đời quá khứ, chính là cơ sở đề cầu, bố thí! Do Tài Bố Thí được của cải. Do Pháp Bố Thí, được thông minh, trí huệ. Do Vô Úy Bố Thí được khỏe mạnh, sống lâu. Nếu quý vị mong đạt được, trước hết phải thí. Quý vị thấy một thuật ngữ thông thường của Trung Hoa là “*xả, đắc*”. Nói thật ra, đây là một thuật ngữ trong Phật môn, hiện thời lưu thông phổ biến khắp xã hội. Hễ quý vị có thể xả, sẽ đạt được. Quý vị chẳng thể xả, sẽ chẳng thể đạt được. Quý vị hoan hỷ xả, sẽ đạt được cũng rất dễ dàng. Khi quý vị xả mà [cảm thấy] rất khó chịu, đã xả rồi lại hối tiếc, có thể đạt được hay không? Có thể đạt được! Nhưng để đạt được, rất tốn công sức, chẳng đạt được lệ làng như vậy! Vì thế, quý vị dùng cái tâm như thế nào, dùng phương thức như thế nào để xả, trong tương lai, khi quý vị đạt được, cũng sẽ giống như vậy. Có kẻ kiếm tiền rất vất vả, đó là trước kia, khi thí xả đã rất khó chịu, xả rồi lại hối tiếc! Thấy người khác xả, chính mình sợ mất thể diện cho nên không thể chẳng xả, do tâm tình ấy, trong tương lai, chính mình sẽ kiếm tiền rất vất vả. Nếu xả rất nhanh chóng, xả rất hoan hỷ; về sau, kiếm tiền sẽ rất dễ dàng. Chuyện là như vậy đó, nghiệp nhân quả báo chẳng sai sót mảy may!

Thầy dạy cho tôi đạo lý và phương pháp này, tôi bèn nghiêm túc học tập. Nhưng khi học tập, tôi chẳng cầu quả báo, của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu, tôi đều chẳng cầu. Chúng tôi chỉ có một ý niệm, đây là chuyện phải nên làm. Chuyện tốt thì phải nên làm, phải nên giúp đỡ kẻ khác, phải nên giúp đỡ xã hội, tận tâm tận lực. Đời sau, chúng ta biết có Tịnh Độ, quyết định cầu sanh Tịnh Độ, chẳng có mảy may lưu luyến duyên trong cõi đời. Chúng ta đã hiểu, trong tương lai, khi vãng sanh sẽ tự tại. Nếu còn lưu luyến duyên trong cõi đời, ra đi sẽ rất vất vả! Ra đi rất vất vả, chuyện vãng sanh sẽ chẳng đáng trông cậy! Nói cách khác, quý vị chẳng nắm chắc vãng sanh!

Do vậy, phạm là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đúng là trước hết phải tự vấn lương tâm, có nên làm hay không. Những điều chẳng nên làm, quyết

định chớ nên làm. Gây tổn thương, bất lợi cho người khác, quyết định chớ nên làm. Không chỉ là đối với người, mà đối với tiểu động vật cũng chẳng nên! Muỗi đốt quý vị một phát, không gì chẳng phải là vì nó đói, muốn kiếm chút gì để ăn. Nó có phạm tội đáng chết hay không? Chẳng đáng tội chết! Chớ nên đập một phát cho nó chết tươi, chớ nên! Chớ nên dùng thuốc sát trùng để giết chúng, nó cũng là một mạng, nhất định phải tôn trọng sanh mạng của nó, yêu tiếc sanh mạng! Nay chúng ta chẳng mong kẻ khác tổn thương ta, ta cũng chẳng có quyền lợi tổn hại hết thảy chúng sanh. Nếu quý vị hành Bồ Tát đạo, hãy hoan hỷ, muỗi đến đốt quý vị, “ta cúng dường người”. Đây là tu bố thí. Trong hạnh nguyện Phổ Hiền có “*quảng tu cúng dường*”, vì sao quý vị chẳng bố thí cho nó? Chẳng bằng lòng bố thí, đuổi đi là được rồi. Chớ nên giết nó!

Quý vị phải có lòng cảnh giác như thế đó, ngay cả những loài tiểu động vật, dường như chúng đến gây tổn hại cho quý vị, đều dùng tâm từ bi đối xử với chúng, lẽ nào quý vị có thể hại người? Làm sao quý vị có thể có ý niệm và hành vi bất lợi đối với người khác? Chẳng thể nào! Chúng ta học những điều này, thấy đều thi hành trong cuộc sống, thấy đều thay đổi quan niệm và hành vi sống. Trong cuộc sống hằng ngày, những điều giống như sáu nguyện này đều thuộc về [những nguyện đã phát] khi mặc y phục. Mặc y phục cũng là biểu thị pháp. Từ sự biểu thị pháp, bèn phát ra đại nguyện tương ứng, nguyện cho hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới “*phục chư thiện căn*” (mặc các căn lành). Dùng “*thiện căn*” làm y phục của chúng ta, dùng như lễ phục. Đây là Phật pháp và thánh giáo trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức. Dưới đây là nguyện thứ tư.

(Kinh) Chính y thúc đới, đương nguyện chúng sanh, kiêm thúc thiện căn, bất linh tán thất.

(經)整衣束帶。當願眾生。檢束善根。不令散失。

(Kinh: Chính áo, buộc đai, nguyện cho chúng sanh, kèm giữ thiện căn, chẳng để thất lạc).

Quần áo hiện thời đã tiến bộ, chẳng cần dây buộc. Dùng gì? Khuy nút! Y phục thời cổ có dây buộc. Giống như y phục hiện thời của chúng ta, dùng các loại khóa móc. Trước kia, dùng dây buộc, xác thực là “*chính y thúc đới*” (chính y, buộc đai), phải thắt đai cho chặt. Hiện thời, dùng khóa móc thuận tiện hơn dây buộc. Trước kia áo hải thanh (đại bào) chẳng có khuy nút, đều là buộc dây, bên trong là dây buộc, bên ngoài cũng là dây buộc. Hải thanh là lễ phục đời Hán, là áo dài rộng, tay áo to, dùng vào đời Hán, người xuất gia hiện thời vẫn mặc loại y phục này. Trường quải (áo dài), tiểu quải⁹ là y phục đời Minh, nhưng đều có cái

⁹ Trường quải (長褂, còn gọi là “trường sam”, 長衫) thường là loại áo dài có cổ cao như áo dài của Việt Nam. Cổ áo thường được viền bằng vải khác màu quanh cổ, xẻ vạt, không chít eo, tay áo hẹp. Đó là y phục của người thế tục. Trường quải của người xuất gia thì áo cài chéo như kiểu áo hải thanh, có vạt con để che hai bên eo, tay hẹp. Đầu thời Dân Quốc, người ta đã biến chế áo Kỳ Bào của nữ giới (y phục của người Mãn Châu) thành loại áo chít eo, tay ngắn hoặc sát nách, bó sát bên hông và đùi, xẻ vạt lên nửa đùi, cũng gọi là “trường sam”, thường được

tiền. Quần áo đời Minh cũng có dây buộc, nhưng hiện thời đều dùng nút áo thay thế, nhất định phải cài nút cho kỹ. Ở lưng thì có đai lưng, quần thì không chỉ lưng quần có dây rút, mà cửa quần cũng có dây thắt. Vớ cũng có dây buộc, giày cũng có dây buộc. “*Chỉnh y thức đời*” là nếu quý vị ăn vận chỉnh tề, buộc dây cẩn thận, người sẽ cảm thấy đặc biệt có tinh thần. Khi ấy, quý vị thấy, đó là Bồ Tát, tự nhiên sanh khởi hồng nguyện tương ứng với Ngài.

“*Đương nguyện chúng sanh, kiểm thức thiện căn*” (Nguyện cho chúng sanh, kèm giữ thiện căn). Thiện căn là gì? Phải biết điều này! Trong kinh luận, đức Phật đã dạy, thiện căn của thế gian có ba, tức là tam thiện căn. Tất cả hết thấy các thiện pháp trong thế gian đều sanh từ ba thiện căn. Ba thiện căn ấy chính là vô tham, vô sân, vô si. Tất cả hết thấy các thiện căn theo pháp thế gian, thông thấu lục đạo, do ba thiện căn [sanh khởi]. Quý vị phải kiểm tra xem [chính mình] có [những thiện căn ấy] hay không? Phải buộc giữ những thiện căn ấy cẩn thận, chớ để chúng “*tán thất*” (thất lạc). Nay chúng ta hãy ngẫm xem, [chính mình] có ba thiện căn ấy hay không? Chẳng có! Cái thay thế cho chúng là Tam Độc. Đối lập với ba thiện căn là Tam Độc, tức tham, sân, si. Tham, sân, si sanh ra tất cả hết thấy những thứ bất thiện trong thế gian. Chúng ta nói “*bất thiện*” là nói theo kiểu văn vẻ, chứ nếu nói khó nghe hơn một tí, sẽ là “*ác độc*”! Tất cả hết thấy những thứ ác độc trong thế gian đều sanh từ tham, sân, si. Quý vị nói xem, chúng có đáng sợ lắm không?

Đức Phật nói nghiệp nhân quả báo của mười pháp giới, nói theo nghiệp nhân, bất luận trong đường nào cũng đều là vô lượng nhân duyên, rất phức tạp. Tuy rất phức tạp, có điều nào quan trọng nhất hay không? Trong khá nhiều nhân duyên phức tạp ấy, cái nhân nào là nhân quan trọng nhất? Đức Phật bảo, tham là cái nhân của nạ quý đạo, tham tâm đọa nạ quý, tâm sân khuê đọa địa ngục, ngu si đọa súc sanh. Quả báo ba ác đạo do đâu mà ra? Do Tam Độc phiền não cảm ứng.

Người ta chẳng tin những thứ ấy, phải đợi khoa học chứng minh, hy vọng các khoa học gia nỗ lực. Nếu có thể phát triển tiến bộ, đột phá các chiều không gian, quý vị mới có thể thấy. Mười pháp giới, nói theo thuật ngữ của các nhà khoa học, sẽ là “*các chiều không gian khác nhau*”, giống như chúng ta xem TV, các băng tần khác nhau. Nay chúng ta chẳng có năng lực từ trong một màn hình mà xem tất cả các băng tần, chẳng có năng lực ấy! Người đã đột phá các chiều không

biết với tên gọi “*xường sám*” (theo cách phát âm chữ “trường sám” trong tiếng Quảng Đông, đôi khi còn gọi là “áo dài Thượng Hải”). Tiểu quái (小褂) là loại áo ngắn, có cổ cao, cài một bên, tay hẹp, ta thường gọi là áo xằm. Nam giới thì cài chính giữa, cũng có cổ cao, hai hàng khuy. Tiểu quái của người xuất gia thì cổ áo may dần nhiều lớp, xẻ ở giữa, ta thường gọi là áo La Hán. Có lẽ áo vạt hò, áo vạt khách là một sáng chế riêng của người Việt dành cho người xuất gia. Thời Mãn Thanh, họ chế ra một loại áo có cổ cao, nhưng sát nách, không tay, thường viền bằng vải lụa hay gấm, hoa văn rực rỡ, gọi là “*mã quái*”. Mã quái thường mặc ra ngoài trường quái. Trường quái thời Thanh thường bằng vải trơn hay các thứ vải quý có màu sáng, hoa văn chìm, không rực rỡ như mã quái.

gian, xác thực là không chỉ thấy tất cả các chiều không gian khác nhau, mà còn như thế nào? Chúng chẳng hỗn loạn, mỗi pháp giới đều thấy rất rõ ràng, rất minh bạch! Trong Phật pháp nói là “*pháp giới*”, các nhà khoa học gọi là “*những chiều không gian khác nhau*”. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, ai có thể thấy được? Từ A La Hán trở lên đều có thể thấy. Chư thiên có thần thông, chúng ta theo thói quen thường nói là “*thần thông*”, họ có thể thấy từ Dục Giới trở xuống, phía trên Dục Giới họ chẳng trông thấy. Từ Dục Giới trở xuống là nhân đạo, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, họ đều có thể trông thấy. Sau khi đã thấy, mới hiểu rõ là thật, chẳng giả. Hiện thời, không ít các thành phần trí thức bậc cao ở phương Tây cũng hiểu rõ chuyện lục đạo luân hồi. Những bài văn hoặc sách vở thảo luận về vấn đề này cũng khá nhiều! Gộp chung với sách vở phương Đông để xem, quý vị sẽ biết chuyện này chẳng phải là giả!

Nghiệp nhân của loài người là Ngũ Giới, Ngũ Thường, Nho gia bảo là “*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*”. Suốt đời khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, chẳng lìa tiêu chuẩn này, quý vị mới có thể được làm thân người. Từ chỗ này, chúng ta cũng có thể thấu hiểu [vì sao] cổ nhân nói “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (thoạt đầu, tánh của con người vốn lành). Nếu họ bất thiện, sẽ chẳng được làm thân người. Quý vị đã sanh vào nhân gian, được làm thân người, đời trước quý vị đã đều tu Ngũ Giới, đều biết “*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*” thì quý vị mới có thể có thân người. Phật pháp gọi điều này là “*dẫn nghiệp*” (引業), [tức là cái nghiệp] dẫn dắt quý vị đầu thai vào loài người, được làm thân người. Còn như sau khi đã làm người, mỗi cá nhân phú quý, nghèo hèn khác nhau, có kẻ giàu có, có kẻ nghèo túng. Đây là do nguyên nhân nào? Mãn nghiệp (滿業) khác nhau. Mãn nghiệp là gì? Trong đời quá khứ, nói theo Phật pháp là “*bố thí*”, ba loại bố thí, tức Tài Bố Thí, Pháp Bố Thí, Vô Úy Bố Thí khác nhau, mỗi người khác nhau!

Nếu đối với ba loại ấy, quý vị đều rất hoan hỷ bố thí, trong đời này, vận mạng của quý vị thật tốt! Giàu to, lại có thông minh, trí huệ, lại được khỏe mạnh, sống lâu, do quý vị đã tu trong đời quá khứ. Còn như làm quan to, làm quốc vương, nay nói là người lãnh đạo quốc gia, cho đến người lãnh đạo quốc tế, là người lãnh đạo các tỉnh, huyện, thành phố, họ đã tu gì vậy? Nói theo giáo pháp Đại Thừa, quá nửa là họ đã tu trì trong tôn giáo, hành những điều lành như tôn giáo đã nói, có lý lắm! Đời trước đã tu trong Phật môn, đời này làm quan to, quên bẵng chuyện trong đời trước. Trong lịch sử Trung Hoa đã ghi chép rất nhiều [chuyện như vậy]. Những vị quý nhân quan to hiển đạt ấy đời trước đều là người xuất gia, rất đáng tiếc, họ chẳng cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, hễ chuyển thế, đời sau biến thành quý nhân. Người xuất gia hành Pháp Bố Thí khá nhiều; vì thế, làm quý nhân, quá nửa rất có tài năng, có học vấn. Cuộc sống vật chất tạm ổn, hoàn toàn chẳng phải là hết sức dư dật. Tại gia cư sĩ tu hành trong Phật môn cũng giống như vậy! Người thuở trước tin tưởng những lời này; hiện thời, nếu quý vị nói cho kẻ bình phàm nghe, nhất định là họ sẽ lắc đầu: “*Người mê tín quá đi!*” Họ chẳng tin! Nếu quý vị lắng lòng chú tâm quan sát, tư duy, sẽ thấy đúng là có lý! Vì thế, chúng ta gìn giữ ba thiện căn quan trọng hơn bất cứ điều nào khác!

Nguyện này dạy chúng ta “*kiểm thức*”, nguyện trước dạy chúng ta “*phục chư thiện căn*” (mặc các căn lành), đều chẳng lìa khỏi ba thiện căn!

Trong pháp xuất thế, thiện căn của Bồ Tát chỉ có một điều: Tinh Tấn. Dững mãnh tinh tấn. “*Tinh*” (精) là không xen tạp, “*Tấn*” (進) là chẳng thoái chuyển, chúng ta đều phải hiểu. Kinh này là pháp Bồ Tát, chẳng phải là pháp của bọn phàm phu chúng ta. Vì thế, thiện căn được nói ở đây đương nhiên là Tinh Tấn. Một trăm bốn mươi một nguyện này là pháp tu của Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát khởi tâm động niệm chẳng lìa một trăm bốn mươi một nguyện này. Chúng ta hạ thấp chuẩn mực, hạ thấp [cho phù hợp] với giai đoạn hiện thời của chúng ta, [cho nên] nói là ba thiện căn: Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng tham, chẳng sân, chẳng si; đó gọi là “*thật sự tu hành*”. Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, những gì chẳng nên có thì không cầu, không giữ lấy. Những gì đáng nên có thì được, như là những thứ do công việc mang lại, sẽ là những thứ đáng đạt được. Còn những thứ tiền tài bất chánh chính là những thứ chớ nên có. Nhưng quý vị phải hiểu, thứ chẳng nên có mà quý vị đạt được, vẫn là do trong mạng quý vị có. Nếu trong mạng quý vị không có, tiền tài bất nghĩa quý vị cũng chẳng thể có được. Nhưng nếu quý vị giành được tiền tài bất nghĩa, sự giàu sang trong mạng quý vị sẽ bị suy giảm, hao tổn, bị chiết khấu!

Ví như trong đời này, tài sản trong mạng quý vị nhiều đến một ức, nói nhiều một chút; nhưng tâm hạnh của quý vị bất thiện, chỗ nào cũng mong chiếm tiện nghi của kẻ khác, tổn hại kẻ khác để chính mình đạt được lợi ích, của cải! Trong mạng quý vị [vốn có] một ức, kết quả là của cải do quý vị đạt được trong một đời tính ra đại khái chẳng được nhiều như vậy, đã bị chiết khấu. Thậm chí chiết khấu khá nhiều, biến thành [chỉ còn] hai, ba phần. Một ức trở thành hai ngàn vạn, ba ngàn vạn. Vì sao? Bị chiết giảm do dụng tâm bất thiện, nhất là tổn hại kẻ khác. Cộng, trừ, nhân, chia, trong đó, bị chia ra, chẳng phải là trừ bớt! Điều bất thiện nhỏ thì trừ đi, điều đại bất thiện thì chia ra. Ngược lại, do tiểu thiện được cộng thêm. Do đại thiện bèn nhân lên. Nếu quý vị hành đại thiện, có thể bỏ mình vì người, một ức trong mạng của quý vị có thể biến thành hai ức, có thể biến thành ba ức, nhân lên đó mà! Do quý vị đã dấy khởi điều đại thiện.

Vì vậy, trong thuận cảnh chẳng có tâm tham, đối với tài vật chẳng động tâm. Còn như làm chuyện tốt thì tùy duyên, tùy phận. Có duyên thì làm nhiều, chẳng có duyên bèn làm ít. Nếu gặp lúc chẳng có, bèn không làm, công đức của quý vị đều viên mãn. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rất hay: “*Phát ý viên thành, viên mãn công đức*”, tức là phát tâm, quý vị có ý niệm ấy. Tuy có ý niệm ấy, nhưng chẳng có sức, công đức của quý vị đã là viên mãn do quý vị có tâm. Đây là trong giáo pháp Đại Thừa. Đối với Đại Thừa, quý vị thấy trong giới kinh kết tội, “*luận tâm, chẳng luận sự*”. Quý vị có cái tâm ấy hay không? Sự là duyên phận. Duyên phận thì một là duyên phận của chính mình, hai là duyên phận của chúng sanh. Chúng sanh chẳng có phước báo, phước báo của quý vị bèn tặng cho họ, họ chẳng thể hưởng thụ. Ất cần phải là ta cũng có năng lực, mà chúng sanh cũng có phước. Đây là lý do vì sao Phật, Bồ Tát làm hết thảy công đức mà chẳng kê công? Quý vị phải hiểu đạo lý là ở chỗ này! Tuy ta tu được phần phước

báo này, họ cũng có phước. Chứ nếu họ chẳng có phước, ta có phước thì chưa được. Họ chẳng thể nhận được! Đã là cả hai bên, còn có gì để kể công nữa?

Vì thế, nói chung là phải hiểu rành rẽ, hiểu minh bạch đạo lý này, niệm niệm chẳng quên vô tham, vô sân, vô si. Trở ngược lại, Tam Độc tham, sân, si đều chẳng thể được; trong cuộc sống, rất dễ dấy lên ý niệm ấy. Ý niệm dấy lên liền biết: Tham tâm là quý đạo. Hễ có một niệm sân khuê, sẽ biết là địa ngục đạo. Vậy thì có gì phải nổi nóng? Cần gì phải dấy tâm sân khuê? Chẳng phải là kẻ khác đọa địa ngục, mà là chính mình đọa địa ngục. Ngu si là chẳng hiểu chuyện, [sẽ đọa trong] súc sanh đạo, chớ nên làm! Chính đốn, buộc chặt xiêm y, quý vị thấy [Bồ Tát] bèn phát nguyện tương ứng, chúng ta phải nên học tập. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem tiếp bài kệ thứ năm kế đó.

(Kinh) Nhược trước thượng y, đương nguyện chúng sanh, hoạch thắng thiện căn, chí pháp bỉ ngạn.

(經)若著上衣。當願眾生。獲勝善根。至法彼岸。

(Kinh: Nếu mặc y trên, nguyện cho chúng sanh, đạt thắng thiện căn, đến bờ pháp kia).

Đôi với “*thượng y*”, Thanh Lương đại sư hoàn toàn dùng ý nghĩa trong ngôn ngữ của chúng ta để giải thích.

(Sớ) Túc sam áo chi bôi.

(疏)即衫襖之輩。

(Sớ: Túc là những thứ như áo dài, áo khoác).

Những thứ này đều là phục trang Trung Hoa, là thượng y. Nguyện tương ứng với điều này là “*đương nguyện chúng sanh, hoạch thắng thiện căn*” (nguyện cho chúng sanh, đạt được thiện căn thù thắng). Hãy chú trọng chữ Thắng (勝). “*Thắng thiện căn*” đương nhiên chẳng phải là thiện căn thế gian, xác thực là Tinh Tấn. Hai chữ Tinh Tấn cũng chính là như trong quá khứ tổ sư đại đức đã thường dạy chúng ta: “*Thâm nhập một môn là Tinh, huân tu lâu dài là Tấn*”. Dùng tám chữ ấy để giải thích Tinh Tấn, không gì thích đáng hơn!

“*Chí pháp bỉ ngạn*”: “*Bỉ ngạn*” (Bờ kia) là Nhất Chân pháp giới, bờ này là mười pháp giới. Đây là bờ kia thật sự. “*Tương tự*” thì chẳng phải là thật, là gần giống. [Nếu nói theo khía cạnh “*tương tự*”], bờ này là luân hồi lục đạo, bờ kia là tứ thánh pháp giới; tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, [Phật]. Đó chẳng phải là rốt ráo, nhất định phải vượt thoát mười pháp giới thì mới là rốt ráo. Vượt thoát mười pháp giới, theo giáo pháp Đại Thừa, nhất định phải đoạn Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh, phải đoạn sạch ba loại phiền não ấy, quý vị mới có thể “*minh tâm kiến*

tánh, kiến tánh thành Phật". Đó là nói theo Thiền Tông, Giáo Hạ nói là "đại khai viên giải". Đại khai viên giải trong Giáo Hạ và minh tâm kiến tánh trong Tông Môn có cảnh giới giống như nhau, thuật ngữ khác nhau, đây mới thật sự là "*chí pháp bỉ ngạn*" (đền bờ pháp kia).

"*Pháp*", chúng ta có thể gọi nó là Pháp Vương. Thích Ca Mâu Ni là Phật, là Bồ Tát, là đạt đến bờ kia của Phật, kiến tánh thành Phật. Trong thời kỳ Mạt Pháp, thật sự là không ai có thể làm được. Trong thời kỳ Mạt Pháp, đừng nói là minh tâm kiến tánh, dầu là chứng Sơ Quả hay Nhị Quả đều chẳng có! Nay chúng ta nhìn vào xã hội hiện tiền, quý vị sẽ biết vì sao chẳng có! Chẳng cần nói ra câu trả lời, hiện tượng trong toàn thể xã hội chính là câu trả lời rõ ràng, xác đáng. Quý vị có thể ở trong cảnh giới ấy mà không bị ô nhiễm, không bị quấy nhiễu, không bị ảnh hưởng hay chẳng? Quý vị sẽ bị hoàn cảnh ảnh hưởng, sẽ bị hoàn cảnh quấy nhiễu, sẽ bị hoàn cảnh ô nhiễm, làm sao quý vị có thể chứng quả cho được? Sơ Quả phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới. Ở trong hoàn cảnh ấy, quý vị chẳng có cách nào, chẳng làm được. Vì thế, hiện thời đầu tu hành tốt đẹp cách mấy, sẽ đi về đâu? Đồi sau thuộc trong hai đường trời người, Hạ Phẩm là được làm thân người, Thượng Phẩm sanh vào Dục Giới Thiên. Có thể sanh lên Sắc Giới Thiên hết sức hiếm có. Đây là trạng huống hiện thực, chúng ta chớ nên không hiểu rõ!

Sau khi đã hiểu rõ, sau đây mới biết còn có phương pháp có thể "*chí pháp bỉ ngạn*" (đền bờ pháp kia). Phương pháp ấy chính là đời nghiệp vãng sanh trong Tịnh Độ Tông. Trừ pháp môn ấy ra, sẽ chẳng có pháp môn thứ hai nào nữa! Hoa Nghiêm đến cuối cùng, chư vị đều biết, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Đây là "*hoạch thắng thiện căn, chí pháp bỉ ngạn*" (đạt được thiện căn thù thắng, đền bờ pháp kia). Có phải là "*thắng thiện căn*" hay không? Là thắng thiện căn, kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta: "*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*". Đó là đúng. Quý vị thấy "*nhất hướng chuyên niệm*", "*nhất hướng*" là nhất tâm. "*Nhất hướng*" là một môn, thâm nhập một môn. "*Chuyên niệm*" là chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Quý vị nói có phải là "*thắng thiện căn*" hay không? Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là "*chí pháp bỉ ngạn*". Pháp vương ở bờ bên kia là A Di Đà Phật. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã tán thán Phật Di Đà, ca ngợi Ngài là "*Phật trung chi vương, quang trung cực tôn*" (vua trong các vị Phật, là quang minh tôn quý nhất). Đây là tán thán đến tột cùng. Đức Thế Tôn tán thán chính là thay mặt mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai tán thán, chúng ta phải biết [điều này], chớ nên sơ sót!

Thời kỳ Mạt Pháp, nếu muốn thật sự đạt đến tám chữ ấy, tức là "*hoạch thắng thiện căn, chí pháp bỉ ngạn*", [chỉ có] pháp môn này, "*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*". Tiếp theo tám chữ ấy, bốn câu gồm mười sáu chữ ấy đã độ trọn hết. Thời Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa, [pháp môn Tịnh Độ] độ trọn hết chúng sanh trong chín ngàn năm thời Mạt Pháp. Pháp môn này thích hợp khắp ba căn, gồm thân trọn vẹn lợi căn và độn căn. Phải nói rõ ràng, nói minh bạch. Không chỉ là nói rõ ràng, nói minh bạch, lại còn phải nêu gương tốt cho

mọi người thấy. Đây là thật, chẳng giả! Đặc biệt là trong thời đại này, người vãng sanh phải thật sự dụng công, tắm gương tốt nhất là biết trước lúc mất, chẳng bị bệnh khổ! Giống như người đồ đệ làm thợ vá nồi của pháp sư Đế Nhân, cảm động kẻ khác như thế đó. Trong nửa thế kỷ này, trong vòng năm mươi năm, tôi đã thấy, nghe những người biết trước lúc mất, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, chính tôi biết mười mấy người. Đây là họ đã làm chứng cho chúng ta.

Tôi nhớ dường như phải là khi tôi mới xuất gia, đại khái là vào năm xuất gia thứ ba, tôi đến Phật Quang Sơn. Phật Quang Sơn lúc khai sơn chỉ có một Phật Học Viện. Trên núi toàn là cây cối, núi hoang mà! Họ lập Đông Phương Phật Giáo Học Viện, có hơn một trăm học sinh. Thời gian tôi ở trên núi không lâu, chỉ có mười tháng, tôi liền rời đi. Tôi có ấn tượng hết sức sâu đậm, có một buổi tối, trăng hết sức sáng, phía trước nơi ấy có một cái ao nhỏ. Về sau dùng làm ao phóng sanh, khi tôi ở đó thì còn chưa có [ao phóng sanh]. Chúng tôi ngồi bên bờ ao, buổi tối ăn cơm xong, có mấy vị đồng học ngồi đó thảo luận các vấn đề. Có một công nhân tiến đến, người công nhân ấy làm thuê dài hạn tại Phật Quang Sơn, họ có rất nhiều công trình. Người công nhân ấy ở trên núi suốt năm. Thấy những vị xuất gia chúng tôi [ngồi đó], ông ta đi đến, kể chuyện cho chúng tôi nghe, những chuyện ở quê nhà. Quê ông có một bà cụ, niệm Phật ba năm, đứng vãng sanh, khiến cho mọi người rất cảm động. Chuyện xảy ra rất gần thời điểm đó, mới hai năm trước, tại làng Tướng Quân ở Đài Nam. Về sau, tôi đến Cao Hùng giảng kinh, nói tới chuyện này, có người bảo tôi họ cũng biết, biết chuyện ấy là thật, chẳng giả. Người công nhân ấy là người làng Tướng Quân, chuyện ấy xảy ra trong thôn của họ.

Bà cụ là người hết sức thiện lương, hết sức trung hậu. Ông ta kể, ba năm trước, cụ cưới dâu. Con dâu học Phật, bà cụ thờ thần, đâm ra thần, Phật gì cũng đều lạy tuốt. Con dâu bèn khuyên cụ chuyên niệm A Di Đà Phật, đừng đi lễ bái khắp nơi. Quan hệ mẹ chồng con dâu vẫn khá lắm, bà cụ nghe lời con dâu, lập Phật đường trong nhà, hằng ngày niệm A Di Đà Phật. Ba năm sau, có một hôm (con trai và con dâu cụ đều rất hiếu thuận), cụ bảo con trai và con dâu hãy ăn cơm trước, khi đó là buổi tối: “Các con cứ ăn cơm trước, mẹ đi tắm, chẳng cần đợi mẹ!” Cụ đi tắm. Con trai và con dâu vẫn chờ cụ, rớt cuộc chờ rất lâu mà sao cụ vẫn không ra! Đến xem, phòng tắm không có ai, cụ thật sự tắm rửa xong, đã thay quần áo rồi. Kết quả là tìm thấy bà cụ đứng trước bàn thờ Phật, mặc áo hải thanh, trên tay cầm tràng hạt. Gọi thì cụ chẳng ừ hử chi hết, nhìn kỹ, cụ đã mất rồi, đứng mất! Người công nhân ấy bảo chúng tôi: “Niệm Phật vãng sanh là thật, chẳng giả tí nào!” Bọn họ là hàng xóm láng giềng, đích thân đến xem. [Niệm Phật] ba năm, biết trước lúc mất! Cụ không nói với người nhà, sợ họ nhiều loạn, “các con cứ ăn cơm, không cần lo cho ta”. Sau khi tắm gội, thật sự ra đi, chẳng giả tí nào! Đây là cụ niệm Phật trong vòng ba năm, cụ thật sự nghe lời nàng dâu khuyên. “*Hoạch thắng thiện căn, chí pháp bỉ ngạn*” (đạt thiện căn thù thắng, đến bờ pháp kia). Còn như những người ngồi mát, biết trước lúc mất, đều rất nhiều!

Thầy Lý vãng sanh, tuy chẳng bảo mọi người rõ ràng ngày nào, chẳng nghe nói, nhưng từ hai năm trước, cụ đã hé lộ tin tức cho mọi người. Khi đó, tôi giảng

kinh ở Đài Bắc, trong khi giảng kinh [tại Đài Trung], lão nhân gia đã tuyên bố, khuyên mọi người hãy khéo dụng công, nghiêm túc học tập. Cụ bảo: “*Ta chỉ giảng kinh hai năm nữa*”, cụ nói như thế. Vài hôm sau, có mấy đồng học từ Đài Trung lên Đài Bắc tìm tôi, kể lại lời thầy, hỏi tôi: “Thầy nói vậy nghĩa là sao?” Tôi nghe xong, bảo họ: “Hai năm sau thầy sẽ ra đi, Ngài đã tuyên bố cho mọi người biết”. Quả nhiên, hai năm sau, cụ vãng sanh. Chẳng thể nói cụ không biết, cụ biết rõ, xác thực là cụ đã buông xuống muôn duyên!

Đài Trung tuy có nhiều sự nghiệp như vậy, cụ đã nói với tôi vài lần. Cụ bảo: “Anh ở Đài Trung đã nhiều năm như thế, kẻ khác không biết, chứ anh hiểu rất rõ ràng!” Cụ nói: “*Sau khi tôi đi rồi, sẽ chia năm xẻ bảy!*” Tôi nghe xong, gật đầu, cũng chẳng nói gì, tôi hiểu rất rõ. Thầy còn đó, họ duy trì một hình tượng đoàn kết, nhưng ai nấy đều có thành kiến, mà cũng chẳng ai phục ai! Đương nhiên là các sự nghiệp mỗi thứ đều độc lập, chẳng thể liên kết thành một thể, giống như cha đã khuất, con cái liền ra riêng. Chẳng phải là cùng một nhà, ở riêng, cũng là một hiện tượng bình thường!

Chúng tôi là người ngoài, tuy ở Đài Trung theo thầy tu học, ở Đài Trung chúng tôi chẳng có căn cội! Nói cách khác, chuyện gì cũng chẳng đến phần chúng tôi! Cũng may thầy cho tôi một bộ kinh Vô Lượng Thọ, tôi được một phần di sản như vậy, tức là Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Quyển này chính là bộ kinh do lão nhân gia giảng vào thuở trước tại Đài Trung. Cụ đích thân chú giải, chú giải rất đơn giản, mi chú¹⁰ viết bằng bút lông, chia rõ từng đoạn. Tôi đọc xong, hết sức hoan hỷ. Sau khi được cụ cho chẳng bao lâu, tôi cũng rất mong giảng bộ kinh ấy, vì tôi đọc hiểu lời chú giải của cụ, tôi có thể lãnh hội. Tôi liền thưa với lão nhân gia: “Con giảng kinh này ở Đài Bắc có được hay không?” Cụ bảo chẳng được! Tôi hỏi: “Vì sao ạ?” Cụ dạy: “Anh quá trẻ! Vừa mới ra ràng. Kinh này bị tranh cãi rất nhiều. Chỉ sợ nếu kẻ khác bắt bẻ, anh sẽ chống đỡ không nổi!” Vì thế, bắt đắc dĩ, tôi sửa thành giảng kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm chẳng có tranh cãi. Tôi học kinh ấy ở Đài Trung ba năm, từng phức giảng một lần, thầy đồng ý.

Vì thế, bản hội tập kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hạ Liên Cư, sau khi thầy Lý đã vãng sanh, tôi mới nghĩ: “Chưa ai từng thấy bản này của lão nhân gia, người biết đến chẳng nhiều!” Tôi cho in lại, in một vạn bản theo lối sao chụp, hồi hướng công đức ấy lên thầy. Sau khi bản này được lưu thông, khi ấy, tôi ở Mỹ, các đồng tu bên ấy trông thấy đều hết sức hoan hỷ, thỉnh tôi giảng. Vì thế, tôi giảng kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ lần thứ nhất là ở Mỹ và giảng tại Ôn Ca Hoa (Vancouver) của Gia Nã Đại. Khi ấy, có giữ lại băng thâu âm, vẫn chưa có băng thâu hình, chỉ có băng thâu âm. Sau khi băng thâu âm được truyền về Đài Loan, đồng tu ở Đài Loan nghe xong cũng rất hoan hỷ, hy vọng tôi giảng nhiều hơn. Vì thế, trong những năm qua, kinh Vô Lượng Thọ đã được giảng tất cả mười lần. Lần này ở Tân Gia Ba là lần thứ mười một, chưa giảng xong, đại khái mới giảng gần được một nửa!

¹⁰ Mi chú (眉註): Chú thích ngắn gọn ngay trên đầu một đoạn văn.

Nhắc tới chỗ này, hôm nay chúng tôi nói đến hai câu kinh văn này, mới nghĩ trong thời kỳ Mật Pháp, nương theo pháp môn này mới là thiện căn thật sự thù thắng. Đối với kinh này, đối với bản hội tập, chúng tôi chẳng hoài nghi. Khi học, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, y giáo phụng hành, cầu nguyện vãng sanh, ắt là có thể như nguyện. Đây là “*chí pháp bỉ ngạn*”. Huống hồ kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, tôi đối với pháp môn Tịnh Độ, hoàn toàn tiếp nhận chẳng hoài nghi, vẫn chẳng phải là ở trong hội của thầy Lý. Thầy Lý đã nhiều lần khuyên tôi, tôi chỉ có thể nói là “chẳng phản đối Tịnh Tông”, nhưng chẳng có ý nghĩ tu tập pháp môn này! Tôi thích kinh giáo. Do vậy, thầy Lý dạy tôi học giảng kinh, đó là điều tôi suốt đời cảm tạ thầy. Tôi tuân thủ giáo huấn của thầy, đi theo con đường này, suốt đời chẳng thay đổi phương hướng, suốt đời tuân theo quy củ của thầy, tức là đối với những quy củ trong việc giảng kinh, thu được quá nhiều lợi ích! Khi nào tôi thật sự quy y Tịnh Độ? Chính là trong khi giảng kinh Hoa Nghiêm.

Thuở trước, tôi giảng Hoa Nghiêm ở Đài Bắc. Khi đó, chẳng có thâm hình, chẳng có những thiết bị ấy, còn quá sớm, còn chưa phải là Hoa Tạng Đồ Thư Quán, mà là Chí Liên tinh xá. Tôi nhớ dường như là vào năm Dân Quốc 60 (1971), tôi bắt đầu giảng Hoa Nghiêm, mỗi tuần giảng ba lần. Tốc độ tiến triển cũng rất nhanh, nhanh hơn hiện thời khá nhiều! Tôi nhớ giảng cũng khá lâu, vì có lúc ra ngoại quốc, kinh phải ngưng lại, trở về lại tiếp tục giảng. Trước sau, giảng tất cả mười bảy năm, giảng được một nửa, Bát Thập Hoa Nghiêm giảng một nửa, Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng giảng một nửa. Vì chúng tôi mỗi tuần giảng ba lượt, hai buổi giảng Bát Thập Hoa Nghiêm, một buổi giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, giảng theo kiểu ấy!

Có một hôm, tôi bỗng dưng có nghi vấn: “Bậc thượng thủ Bồ Tát của đức Tỳ Lô Giá Na Phật trong hội Hoa Nghiêm là Văn Thù và Phổ Hiền, hai vị ấy học pháp môn gì?” Phần sau kinh Hoa Nghiêm còn chưa giảng đến, tôi liền đọc. Đọc đến phần sau, quả nhiên thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Điều này khiến tôi rất kinh ngạc. Không chỉ là hai vị ấy cầu sanh Tịnh Độ, còn hướng dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng đều cầu sanh Tịnh Độ, chuyện này quá thù thắng! Sau đấy, xem lại phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, Thiện Tài tu pháp môn gì? Đương nhiên, Thiện Tài là đệ tử nhập thất, là truyền nhân của Văn Thù Bồ Tát. Thầy cầu sanh Tịnh Độ, Ngài là học trò hàng đầu, nói chung, sẽ không hành theo pháp môn thứ hai!

Tuy đã giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm được một nửa, nhưng sơ ý, ơ hờ, chẳng chú tâm quan sát! Xem lại cẩn thận, Thiện Tài đồng tử gặp vị thiện tri thức thứ nhất do Văn Thù Bồ Tát giới thiệu, tức là tỳ-kheo Đức Vân. [Thiện Tài] đến tham phỏng vị đầu tiên do Văn Thù Bồ Tát giới thiệu. Tỳ-kheo Đức Vân tu pháp môn gì? Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ngài tu pháp môn, người hiện thời chẳng dễ gì tu tập được. Đó là Ban Châu tam-muội, còn gọi là Phật Lập tam-muội. Nói Phật Lập dễ hiểu hơn! Kỳ hạn tu hành là lấy chín mươi ngày làm một kỳ. Trong chín mươi ngày, người tu hành, tức người niệm Phật, chẳng thể ngồi xuống, chẳng thể nằm, có thể đứng, có thể đi. Đây là Ban Châu tam-muội. Điều này rất khó, trong

chín mươi ngày không ngủ nghỉ, không ngủ, không nghỉ, dũng mãnh tinh tấn, thật sự là “*hoạch thắng thiện căn*” (đạt được thiện căn thù thắng). Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy tỳ-kheo Đức Vân tu pháp môn này, chuyên niệm Di Đà, cầu sanh Tịnh Độ. Đây là vị thầy thứ nhất mà Thiện Tài gặp gỡ. Ấn Độ và Trung Hoa đều có lời nói này: “*Tiên nhập vi chủ*” (Điều gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ đóng vai trò chủ yếu). Vị thầy đầu tiên dạy quý vị, [những giáo huấn của vị ấy] sẽ là “*tiên nhập vi chủ*”.

Lại xem vị cuối cùng, tức là vị thứ năm mươi ba, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ. Thiện Tài tu gì? Niệm A Di Đà Phật. Trong khi tham phỏng, phải là quảng học đa văn (học rộng nghe nhiều). Bất cứ tông phái nào, bất cứ pháp môn nào, chẳng có gì Ngài không biết. Tuy thầy đều xem xét, học hỏi, Ngài có tu hay không? Chẳng có! Có sao biết là chẳng tu? Cuối cùng là “*luyến đức lễ từ*”, tức là cảm tạ, lễ bái, từ tạ ra đi. “*Từ*” (辭) có nghĩa là chẳng tu pháp môn ấy. Ngài biết, hiểu rõ pháp môn ấy. Quý vị muốn tu, Ngài có thể dạy quý vị, nhưng bản thân Ngài chẳng tu! Cứ niệm một câu Phật hiệu đến cùng. Tôi mới hiểu ra. Đã hiểu rõ chuyện này, mới khẳng khẳng một mực nơi pháp môn Tịnh Độ, chẳng bàn cãi chi nữa, mới biết pháp môn này thù thắng khôn sánh. Lại suy tưởng căn tánh của chính mình, muốn tu những pháp khác đúng là khó khăn! Giáo Hạ thì phải đại khai viên giải, Tông Môn là minh tâm kiến tánh, quá khó! Trong quá khứ, thầy đã giảng giải, nhắc nhở tôi, thuở ấy, vẫn chưa thể hoàn toàn tiếp nhận, nay do suy nghĩ, đã hoàn toàn hiểu rõ, khẳng khẳng một mực quay lại niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Vì thế, tôi mới thấu hiểu pháp này được gọi là pháp khó tin, thật sự khó tin! Nếu tôi không có các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm làm cơ sở, rất khó tiếp nhận pháp môn này. Có thể nói là khi tôi còn trẻ, nêu tôi chẳng hiểu rõ, chẳng hiểu mình bạch đạo lý này, mà khiến cho tôi dấy lên tín tâm đối với pháp này, sẽ chẳng thể được! Tôi bằng lòng nhận biết, liễu giải, nhưng tín tâm chẳng dễ gì sanh khởi! Lúc đi học, tôi học Cơ Đốc giáo hai năm, chẳng hề rửa tội. Tôi đến giáo đường đạo Hồi gần một năm hơn, rất tôn kính đạo ấy. Do chưa được tiếp xúc Phật môn; vì thế, tiếp xúc một thời gian rất dài, chính mình giảng kinh Hoa Nghiêm đến một nửa mới hoảng nhiên đại ngộ, chẳng dễ dàng! Lại xem bài kệ cuối cùng:

(Kinh) Trước tăng-già-lê, đương nguyện chúng sanh, nhập đệ nhất vị, đắc bất động pháp.

(經) 著僧伽黎。當願眾生。入第一位。得不動法。

(Kinh: Đắp tăng-già-lê, nguyện cho chúng sanh, nhập địa vị thứ nhất, đắc pháp bất động).

Chúng ta xem lời chú giải của Thanh Lương đại sư.

(Số) Tiên dĩ biện ca-sa.

(疏)前已辨袈裟。

(Sớ: Trong phần trước đã biện định về y ca-sa).

“Tăng-già-lê” (Saṃghāti) là một loại y ca-sa, trong phần trước, đã có giới thiệu.

(Sớ) Cổ thử trực vân Tăng-già-lê. Tăng-già-lê giả, nghĩa vân hòa hợp, tân giả nhị trùng, cổ giả tứ trùng, yếu dĩ trùng thành, cổ vân hòa hợp, tức thị tam y trung đệ nhất y cổ.

(疏)故此直云僧伽黎，僧伽黎者，義云和合，新者二重，故者四重，要以重成，故云和合，即是三衣中第一衣故。

(Sớ: Vì vậy, ở đây nói thẳng về y Tăng-già-lê. Tăng-già-lê có nghĩa là “hòa hợp”. Cái mới thì may hai lớp, cái cũ thì may bốn lớp. Do phải may nhiều lớp nên nói là Hòa Hợp. Tức là loại y bậc nhất trong ba y vậy).

Ba y¹¹ của người xuất gia, y thứ nhất là Tăng-già-lê. Chúng ta thường gọi Tăng-già-lê là đại y, tức y hai mươi lăm điều. Hiện thời, người Hoa thường có thói quen gọi là “*nhị thập ngũ điều y*”. Hiện thời, chúng ta dùng loại y này, chính là y hai mươi lăm điều, gọi là Tăng-già-lê. Quý vị thấy theo chiều dọc, tấm y gồm hai mươi lăm điều, theo chiều ngang thì bốn mảnh dài, một mảnh ngắn. Quý vị thấy nó có hình thức ấy, nên thường gọi thông tục là Phước Điền Y, dùng các loại vải vụn may thành.

Chư vị phải hiểu, thời cổ xin một bát cơm dễ dàng, làm một chiếc y hết sức khó khăn. Y của người xuất gia do đâu mà có? Từ những thứ quần áo do người ta vứt đi, chẳng thể mặc nữa bèn vứt bỏ. Người xuất gia nhặt lấy những thứ “rác

¹¹ Theo chế định của Phật giáo nguyên thủy, người xuất gia có ba y (Ticīvara):

1. An Đà Hội (Antarvāsa): Tức là tấm y che phần dưới thân thể.
2. Uất Đa La Tăng (Uttarāsaṅga): Thượng y, để che thân. Là thứ y để mặc thường ngày.
3. Tăng Già Lê (Saṃghāti): Tăng già lê là đại y, mặc khi đi khất thực, tụng kinh, giảng kinh, thuyết pháp.

Theo truyền thống Trung Hoa, ba y được hiểu hơi khác. An Đà Hội tức là Tác Vụ Y là loại y mặc khi làm lụng, thường hiểu là y năm điều. Uất Đa La Tăng là nhập chúng y, tức là loại y tối thiểu có bảy điều, mặc trong khi tham gia các sinh hoạt của đại chúng. Mỗi điều gồm hai miếng dài, một miếng ngắn, may ghép thành một điều. Như vậy là tấm y này có tất cả hai mươi một miếng vải. Khi nói năm điều, bảy điều, hoặc hai mươi lăm điều, tức là nói theo chiều dọc của tấm y. Chẳng hạn y năm điều thì mỗi điều là một miếng dài, một miếng ngắn ghép thành một điều, nên tấm y có tất cả mười miếng vải. Y tăng-già lê thật ra có nhiều loại:

1. Hạ phẩm gồm các loại y chín điều, mười một điều, mười ba điều. Mỗi điều gồm một miếng ngắn, hai miếng dài.
2. Trung phẩm gồm các loại mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều. Mỗi điều gồm ba miếng dài, một miếng ngắn.
3. Thượng phẩm gồm hai mươi một điều, hai mươi ba điều và hai mươi lăm điều. Mỗi điều gồm bốn miếng dài, một miếng ngắn.

Hiện thời, hễ nói đến tăng-già-lê thì hầu như chỉ sử dụng loại hai mươi lăm điều.

rười” ấy, thâu nhật lại. Sau khi nhật về, giặt sạch sẽ, những chỗ nào còn có thể dùng được, sẽ cắt thành từng miếng nhỏ, khâu chằm lại, làm thành y. Người ta chẳng thể bỏ thí cho quý vị một tấm vải toàn vẹn to như vậy! Do quý vị lượm lặt, nhất định là chất liệu không giống nhau, màu sắc cũng khác nhau. Sau khi khâu chằm xong, bèn đem nhuộm. Nhuộm thành màu cà-phê như vậy. Đấy chẳng phải là chánh sắc. Trong phần trước, đã có nói, ca-sa là nhiễm sắc, chẳng phải là chánh sắc. Vì lẽ này, bát cơm xin được cũng gọi là ca-sa. Y ca-sa do rất nhiều thứ lẫn lộn hợp lại. Y phục gồm năm thứ màu đỏ, vàng, xanh, trắng, đen hòa lẫn một chỗ; vì thế nó có ý nghĩa Hòa Hợp. Một bát cơm chẳng phải là do một nhà cho, xin từ vài nhà, người này cho một chút, người kia cho một tí, mùi vị gì cũng đều có, chua, ngọt, đắng, cay, mặn đều có. Vì thế gọi là “ca-sa vị”. Ca-sa có nghĩa là Tạp Nhiễm.

Trong ba y, đại y là lễ phục, y hai mươi lăm điều là lễ phục. Thông thường, đắp y bảy điều, gọi là “thất y”, áo quần mặc để làm việc có năm điều, gọi là “ngũ y”. Ngũ y mặc khi làm việc, thất y là y phục thông dụng, hai mươi lăm điều là đại lễ phục. Trong các loại hoạt động khánh điển trọng đại mới dùng loại này, tức là dùng y hai mươi lăm điều. Những Phật sự trong giảng đường sẽ là long trọng nhất; công việc cả đời của đức Thế Tôn là giảng kinh, thuyết pháp. Do vậy, trong trường hợp này, nhất định là chúng ta phải dùng đại y, tức y hai mươi lăm điều. Khi mới học Phật, đối với từng miếng chằm trong loại y phục này, tôi không hiểu, thỉnh giáo lão hòa thượng. Lão hòa thượng bảo từng miếng chằm giống như các thửa ruộng để gieo trồng, nên gọi là Phước Điền Y. Nếu chúng sanh muốn gieo phước, hãy đến tu cúng dường trong Phật môn để gieo phước. [Vì thế gọi là] Phước Điền Y. Theo tập tục đều gọi như thế, cũng chẳng có ai có thể hiểu rõ!

Năm 1999, Trung Quốc kỷ niệm năm mươi năm lập quốc. Cuộc lễ ấy có quy mô rất lớn, cục tôn giáo mời tôi về nước dự lễ. Do vậy, lần ấy tôi sang Bắc Kinh, cục tôn giáo quốc gia tiếp đãi. Nhằm đúng lúc viện Bảo Tàng Lịch Sử triển lãm những thứ văn vật được khai quật từ Thanh Châu ở Sơn Đông, [những món văn vật ấy] thuộc về thời đại Nam Bắc Triều, đại khái là cách hiện thời một ngàn bảy trăm năm. Những món văn vật thuộc thời kỳ đầu của Phật giáo [Trung Hoa] được triển lãm tại đó. Diệp cục trưởng mời tôi, đồng thời mời Trương cục trưởng của cục Văn Vật, hai cục trưởng cùng đi xem với tôi. Tôi thấy trong ấy có ba bức tượng Tỳ Lô Giá Na Phật. Chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, [vị chủ giảng trong] Hoa Nghiêm là Tỳ Lô Giá Na Phật. Những tượng ấy khắc tạc hết sức trang nghiêm. Tôi nhìn kỹ, thấy trong chiếc y hai mươi lăm điều của các Ngài, mỗi miếng chằm đều có đồ họa. Xem kỹ, tầng trên là Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, đến chỗ dưới cùng là địa ngục pháp giới, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ! Từng miếng chằm biểu thị điều gì? Vô lượng pháp giới, vô lượng pháp giới ở trên cùng một cái y, là một Thế. Tôi ngộ ra đạo lý như thế đó, khắp pháp giới, hư không giới là một Pháp Thân.

Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”, đến lúc này tôi mới hiểu rõ! Do vậy, mỗi miếng chằm rộng như nhau, biểu thị sự bình đẳng. Nói theo mười pháp giới, một pháp giới

hiển, chín pháp giới kia ẩn. Chỉ có ẩn hay hiển bất đồng, chẳng có sanh diệt; pháp giới xác thực là bất sanh, bất diệt. Đại y biểu thị pháp! Tăng-già-lê như thế, chúng ta bèn hiểu y bảy điều và y năm điều, không gì chẳng phải là như thế. Trong cái y hai mươi lăm điều, quý vị thấy rất rõ, ý nghĩa biểu thị pháp trong ấy hết sức rõ rệt. Y năm điều là cứ [mỗi điều gồm] một miếng dài [nối với] một miếng ngắn, [do vậy], số lượng các miếng chấm ít, ý nghĩa biểu thị pháp chẳng rõ rệt như y hai mươi lăm điều. Tôi hiểu đạo lý này! Tôi nói lần ấy sang Bắc Kinh chẳng uổng công. Nếu chẳng đến thăm viện Bảo tàng Lịch Sử lần đó, vẫn một mực chẳng hiểu tám y này có ý nghĩa gì! Có thể thấy là Phật môn ngay cả đối với chuyện ăn mặc, thầy đều là giáo học, khiến cho quý vị thấy, nghe, tiếp xúc, không gì chẳng phải là Phật pháp, chẳng có pháp nào không phải là Phật pháp. Vì thế, người khai ngộ nói: “*Sau khi đã ngộ, pháp nào cũng vốn là đạo, chuyện gì cũng xứng tâm vừa ý*”. Những gì quý vị đã thấy, nghe, tiếp xúc, không gì chẳng phải là đạo. Chúng tôi trông thấy hình ảnh ấy mới hiểu rõ!

Do vậy, phát nguyện tương ứng với điều ấy, “*đương nguyện chúng sanh, nhập đệ nhất vị, đắc bất động pháp*” (nguyện cho chúng sanh, nhập địa vị bậc nhất, đắc pháp bất động). “*Đệ nhất vị*” chính là quả địa Như Lai rốt ráo. Đây là đệ nhất vị, Đẳng Giác Bồ Tát là địa vị thứ hai, Pháp Vân Địa Bồ Tát (Thập Địa Bồ Tát) là địa vị thứ ba. Đệ nhất vị là quả địa rốt ráo! “*Đắc bất động pháp*”: Bất động pháp mới là pháp viên mãn rốt ráo. Chúng ta đọc đến phần sáu phương Phật trong kinh Di Đà, tức là bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư, lão nhân gia dịch ý. Bản kinh Di Đà của Huyền Trang đại sư là trực dịch, trong ấy là mười phương. La Thập đại sư tinh lược, chỉ nói sáu phương. Vị Phật đầu tiên ở phương Đông là A Súc Bệ Phật, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Bất Động, bất động là căn bản. Bất động là gì? Pháp Tánh. Pháp Tánh còn gọi là Chân Như, cũng gọi là bản tánh, hoặc gọi là tự tánh. Đức Phật nói rất nhiều danh tướng. Vì sao nói nhiều như vậy? Khiến cho quý vị chẳng chấp trước, “*danh khả danh, phi thường danh*” (cái danh có thể gọi tên thì chẳng phải là cái danh thường hằng). Chớ nên chấp trước danh tự tướng, biết nó biểu thị điều gì là được rồi! Đây là phương tiện thuyết pháp và giáo học của đức Phật, chúng ta phải hiểu!

Chỉ có tự tánh là bất động. Ngoài tự tánh ra, thừa cùng chư vị, chẳng có một pháp nào là bất động. Ngay cả hư không cũng có sanh diệt, chẳng có pháp nào là bất động. Các nhà khoa học hiện thời nói, hiện tượng vật chất do đâu mà có? Từ trong Vô sanh ra Hữu! Vô là pháp bất động, nó có thể hiện tướng. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói vạn hữu trong vũ trụ là chuyện như thế nào? “*Duy tâm sở hiện*”, cái tâm ấy là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm, nó là Pháp Tánh. Pháp Tánh biến hiện, nó có thể hiện. Hiện những thứ ấy, chúng có thể nầy sanh biến hóa. Biến hóa là tác dụng của thức, là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thuận theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của hết thầy chúng sanh mà sanh ra biến hóa. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, “*duy thức sở biến*”. Đây là sự giải thích của giáo pháp Đại Thừa đối với khởi nguyên của vũ trụ, khởi nguyên của vạn vật, khởi nguyên của sanh mạng. Căn cội của sanh mạng, căn cội sanh mạng của vạn vật trong vũ trụ chính là Pháp Tánh. Pháp Tánh chẳng phải là

pháp duyên khởi. Pháp Tánh chẳng có sanh diệt, chẳng có khởi đầu và kết thúc, chẳng có sự bắt đầu.

Vì thế, trong kinh, đức Phật đã nói Pháp Tánh là chuyện như thế nào? “*Pháp nhĩ như thị*” (法爾如是, pháp vốn là như thế). Nói theo kiểu hiện thời, sẽ tự nhiên là như vậy. Thật ra, “*tự nhiên là như vậy*” thì vẫn chẳng hay khéo bằng câu “*pháp nhĩ như thị*”, [nghĩa là] vốn sẵn là như vậy. Nếu đối với điều này, quý vị thấy đáng nghi, dấy lên nghi vấn, đó gọi là vô minh. Hết thấy chúng sanh mê mất tự tánh, mê như thế nào? Dấy lên một niệm nghi tình trong ấy. Hễ có một niệm nghi bèn mê hoặc. Một niệm giác, chúng sanh bèn thành Phật. Mê chẳng phải là thật, vọng tâm đấy! Có thể phá mê hay không? Chẳng thể! Nếu quý vị phá mê, sẽ càng thêm mê hoặc. Đạt đến cảnh giới ấy, người tu hành thường nói: “*Thử xứ dụng bất đắc lực*” (Chỗ này chẳng thể dùng sức được). Hoàn toàn phải quy về tự nhiên, quý vị mới đại triệt đại ngộ. Muốn dùng một chút tâm, dấy lên một niệm, sai mất rồi, vĩnh viễn chẳng thấy!

Vì thế, quý vị chỉ cần buông xuống khởi tâm động niệm, sẽ vốn là [chân tâm]. Chẳng có pháp nào không phải! Người nào có thể buông xuống khởi tâm động niệm? Trước hết là có khởi tâm động niệm, sau đấy mới có phân biệt, mới có chấp trước. Đây là nói theo quá trình phát triển của mê. Nay chúng ta muốn quay đầu; hễ quay đầu, nhất định là trước hết đoạn chấp trước, sau đấy đoạn phân biệt, cuối cùng là đoạn khởi tâm động niệm. Quay đầu lại thì mới có thể trở về nguồn. Nay chúng ta còn có chấp trước nghiêm trọng đối với hết thấy các pháp, hồng bát! Phật pháp nói là “*ngộ môn đố tắc*” (悟門堵塞, đóng lấp cửa ngộ), chẳng tìm thấy bờ mé đâu cả! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới đây.

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh

Phẩm thứ mười một,

Tịnh Hạnh Phẩm

Phần 28 hết